

Số: 260 /ICDLB-HC

Biên Hòa, ngày 24 tháng 2 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam;
- Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM.

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CP ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH**

- Mã chứng khoán: **ILB**
- Địa chỉ: **Số 10 Phan Đăng Lưu, KP7, phường Long Bình, TP. Biên Hòa, Đồng Nai**
- Điện thoại liên hệ: 0251 6255 999 Fax: 0251 6501 826
- Email: tuannq@icdlongbinh.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- Công ty CP ICD Tân Cảng - Long Bình công bố thông tin Bảo cáo bạch về chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 39/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 19/02/2025 (phần 2).

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử công ty vào ngày 24/02/2025 tại đường dẫn <https://icdlongbinh.com/quanhecodong/category/144>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Bảo cáo bạch về chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 39/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 19/02/2025 (phần 2).

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Phan Anh Tuấn

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 3601033213

Đăng ký lần đầu: ngày 23 tháng 07 năm 2008

Đăng ký thay đổi lần thứ: 10, ngày 20 tháng 01 năm 2025

BẢN SAO

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ICD TAN CANG - LONG BINH JOINT - STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 10, Đường Phan Đăng Lưu, Khu Phố 7, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0251.6255.999

Email: marketing@icdlongbinh.com

Fax: 0251.6501.826

Website:

<http://www.icdlongbinh.com>

3. Vốn điều lệ: 245.022.450.000 đồng.

Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi lăm tỷ không trăm hai mươi hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 24.502.245

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: PHAN ANH TUẤN

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 12/01/1985 Dân tộc: Kinh

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Căn cước

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001085044027

Ngày cấp: 18/12/2024 Nơi cấp: Bộ Công an

Địa chỉ thường trú: Số 06, tổ 1, KP 11, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 06, tổ 1, KP 11, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐĂNG KÝ CHÍNH

Số chứng thực: 7724 quyền số: 1 - SCT/BS
Ngày: 05-02-2025



Giới tính: Nam

Nguyễn Thị Chảo
Quốc tịch: Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Le Hoàng Huỳnh

TCT TÂN CẢNG SÀI GÒN
CÔNG TY CỔ PHẦN
ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH
Số: 02/2024/NQ - ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biên Hòa, ngày 17 tháng 04 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH
(ĐÍNH CHÍNH)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/BB - ĐH ngày 17/04/2024.

QUYẾT NGHỊ

Ngày 17/04/2024, tại Số 10 Phan Đăng Lưu, Khu phố 7, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình được tổ chức với sự tham gia của 40 cổ đông sở hữu 16.567.066 cổ phần chiếm 67,6145% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo và các Tờ trình, Đại hội đã thảo luận và biểu quyết nhất trí thông qua nghị quyết với các nội dung như sau:

Điều 1: Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và Báo cáo kinh doanh 2023, định hướng 2024

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 16.567.066 chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết.

Điều 2: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 16.567.066 chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết.

Điều 3: Thông qua Tờ trình báo cáo tài chính năm 2023 (riêng và hợp nhất) của Công ty đã qua kiểm toán

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 16.567.066 chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết.

Điều 4: Thông qua Tờ trình kết quả kinh doanh, tiền lương, đầu tư và phân phối lợi nhuận năm 2023

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 16.567.066 chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết.

Điều 5: Thông qua Tờ trình chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh, tiền lương, đầu tư và phân phối lợi nhuận 2024

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 16.567.066 chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết.

Điều 6: Thông qua Tờ trình thù lao của HĐQT, BKS năm 2023 và kế hoạch 2024

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 16.567.066 chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết.

Điều 7: Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị soát xét BCTC bán niên 2024 và BCTC kiểm toán năm 2024

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 16.567.066 chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết.

Điều 8: Thông qua Tờ trình thông qua các Hợp đồng giao dịch với các bên có liên quan

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 2.107.066 chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết.

Điều 09: Thông qua Tờ trình phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 16.567.066 chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết.

Điều 10: Thông qua Tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 - 2028.

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 16.567.066 chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết.

Điều 11: Thông qua Tờ trình bầu bổ sung HĐQT nhiệm kỳ 2023 – 2028:

▪ Thông qua danh sách ứng viên thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

- Ông Phan Văn Tiến (Sơ yếu lý lịch đính kèm)
- Ông Hà Anh Dũng (Sơ yếu lý lịch đính kèm)

- Ông Hà Anh Dũng

(Sơ yếu lý lịch đính kèm)

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 16.567.066 chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết.

KẾT QUẢ BẦU CỬ:

Họ và tên	Chức danh	Số phiếu bầu	Tỷ lệ bầu cử
Ông Phan Văn Tiến	TV HĐQT	14.689.359	88,6660%
Ông Hà Anh Dũng	TV HĐQT	18.444.773	111,3340%

Ông Phan Văn Tiến và Ông Hà Anh Dũng đã trúng cử thành viên HĐQT công ty nhiệm kỳ 2023 - 2028.

Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng – Long Bình thông qua toàn văn tại cuộc họp.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc và các cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành nghị quyết này. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- Cổ đông;
- UBCKNN, HoSE (CBTT);
- FPTS (p/h);
- Lưu: VT, HC.T03.



GIÁM ĐỐC
Phan Anh Tuấn

TCT TÂN CẢNG SÀI GÒN
CÔNG TY CỔ PHẦN
ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH
Số: 385 /TTr-ICDLB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

Biên Hòa, ngày 27 tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

(V/v: Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ)

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 (“Luật Doanh nghiệp”);

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 (“Luật Chứng Khoán”);

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2020 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“Nghị định số 155/2020/NĐ-CP”);

Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31/12/2020 về việc hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Long Bình (“Công ty” hoặc “ICDLB”).

Căn cứ chiến lược phát triển, tình hình hoạt động kinh doanh – đầu tư và nhu cầu vốn lưu động của Công ty, Hội đồng quản trị (“HDQT”) kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) xem xét và thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ năm 2024 như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Việc Công ty tăng vốn điều lệ là việc cần thiết, có ý nghĩa quan trọng nhằm nâng cao năng lực tài chính, bảo đảm Công ty thực hiện tốt và bền vững 2 mục tiêu: (i) mục tiêu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh: Quản lý và sử dụng hiệu quả đất quốc phòng tại địa bàn đứng chân; xây dựng phát triển các cơ sở lưỡng dụng kết hợp kinh tế với quốc phòng; (ii) mục tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh: đầu tư kinh doanh hiệu quả kho, bãi và các dịch vụ giá trị gia tăng, phục vụ nhu cầu xuất, nhập hàng hóa của các doanh nghiệp tỉnh Đồng Nai và các tỉnh phụ cận, trở thành cơ sở hậu phương cho các cảng thuộc hệ thống Tân cảng Sài Gòn và cụ thể hóa mục tiêu chiến lược kinh doanh, đầu tư của Công ty giai đoạn 2021 - 2025:

Cụ thể:

1/ Từ khi thành lập đến nay, tỷ lệ khai thác kho của ICDB luôn ở mức cao trên 90% và duy trì công suất ổn định qua các năm, cụ thể ở 3 năm gần nhất:

Tài liệu Đại hội cổ đông thường niên năm 2024

năm 2020 đạt tỷ lệ khai thác 93%, năm 2021 đạt tỷ lệ 93,5%, năm 2022 đạt tỷ lệ 94% và năm 2023 đạt tỷ lệ 95%, nhiều thời điểm tỉ lệ khai thác đạt tỷ lệ 98%. Có những giai đoạn Công ty không có đủ diện tích kho bãi để đáp ứng được nhu cầu mở rộng diện tích của các khách hàng hiện hữu cũng như nhu cầu thuê kho bãi của một số khách hàng mới.

Với tiềm năng tăng trưởng lớn và nhu cầu thuê kho bãi lưu trữ hàng hóa tại khu vực ngày càng cao, cạnh tranh ngày càng gay gắt, nếu Công ty không kịp thời gia tăng năng lực cung cấp thêm diện tích, nguy cơ mất khách hàng hiện hữu khi không đáp ứng được nhu cầu mở rộng là rất lớn. Khi đó không những ICDLB mất khách hàng mà một lượng lớn hàng hóa và các dịch vụ khai thác kèm theo sẽ dịch chuyển qua các cơ sở cảng khác không thuộc hệ thống Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn ("TCT TCSG").

2/ Nguồn cung bất động sản công nghiệp khu vực phía Nam dự báo sẽ khan hiếm trong giai đoạn 2023-2026, nhu cầu về kho, bãi chứa hàng hóa, trung tâm dịch vụ logistics tại khu vực Đồng Nai phát triển mạnh, nhất là khi các điều kiện về hạ tầng giao thông đang được thúc đẩy đầu tư mạnh mẽ, quyết liệt như sân bay Quốc Tế Long Thành (khoảng cách từ Công ty tới sân bay 15km), cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu kết nối với cụm cảng nước sâu Cái Mép Thị Vải thuộc Bà Rịa – Vũng Tàu (điểm vào cao tốc cách Công ty 3 km).

3/ Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh, chiến lược kinh doanh và chiến lược đầu tư phát triển, bổ sung nguồn vốn lưu động cho giai đoạn từ năm 2021-2025, đồng thời nắm bắt tình hình phát triển và yêu cầu của thị trường; Công ty đã đề ra mục tiêu khai thác hiệu quả cơ sở hạ tầng trên đất quốc phòng, kết nối các đơn vị thành viên trong hệ thống TCT TCSG, phát huy tối đa các nguồn lực và thế mạnh hiện hữu để cùng mở rộng đầu tư, phát triển kinh doanh, kết nối hệ thống dịch vụ logistics các cơ sở của TCT TCSG (Cụ thể hợp tác kinh doanh không thành lập pháp nhân với Công ty TNHH Hoa Tiêu Tân Cảng để thực hiện Dự án hợp tác đầu tư xây dựng 2 kho hàng 26, 27 và kinh doanh dịch vụ kho, logistic trên phần cơ sở hạ tầng 76ha thuộc khu DV Long Bình).

Do đó ICDLB cần thiết tăng vốn điều lệ, đó cũng là yêu cầu bắt buộc và cấp bách hiện nay của đơn vị để bổ sung nguồn vốn đảm bảo cho kế hoạch theo chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025, bảo đảm tối ưu hóa nguồn vốn và sử dụng có hiệu quả các đòn bẩy tài chính cho các hoạt động mở rộng đầu tư xây dựng kho bãi nhằm nâng cao năng lực khai thác, chất lượng dịch vụ để mở rộng thị phần và nâng cao năng lực cạnh tranh, chiếm lĩnh thị trường.

II. TÓM TẮT PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU

1. Tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Long Bình
2. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Long Bình
3. Loại cổ phiếu chào bán: Cổ phiếu phổ thông
4. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/ cổ phiếu
5. Mã chứng khoán: ILB
6. Sàn niêm yết: HOSE
7. Vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2023: 245.022.450.000 đồng
8. Tổng số lượng cổ phiếu đã phát hành: 24.502.245 cổ phiếu

9. Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
10. Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 24.502.245 cổ phiếu
11. Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 13.700.000 cổ phiếu, trong đó:

Phương án phát hành	Số lượng cổ phiếu
Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ Nguồn vốn chủ sở hữu	1.350.000
Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	12.350.000
Tổng cộng	13.700.000

12. Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá: 137.000.000.000 đồng
13. Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành: 382.022.450.000 đồng
14. Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu.

III. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TĂNG VỐN CỔ PHẦN TỪ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

1. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 1.350.000 cổ phiếu
2. Loại cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu phổ thông
3. Tổng giá trị cổ phiếu phát hành theo mệnh giá: 13.500.000.000 đồng
4. Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại thời điểm chốt danh sách cổ đông theo quy định của pháp luật. Cổ đông hiện hữu đồng thời nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và quyền mua từ phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
5. Tỷ lệ thực hiện quyền dự kiến: 1.000 : 55 (cổ đông sở hữu 1.000 cổ phiếu sẽ được nhận 55 cổ phiếu mới).
6. Phương án làm tròn, phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Số lượng cổ phiếu được nhận sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) sẽ được hủy bỏ.
7. Nguồn vốn phát hành: Sử dụng từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển lũy kế đến 31/12/2023 căn cứ trên Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán của Công ty cổ phần ICD Tân Cảng – Long Bình (báo cáo tài chính công ty mẹ). (Tính đến 31/12/2023 số dư Quỹ đầu tư phát triển là 152,19 tỷ)
8. Thời gian thực hiện dự kiến: Dự kiến trong năm 2024 hoặc thời gian khác do HĐQT quyết định sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản chấp thuận. Hồ sơ phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu dự kiến được nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đồng thời cùng hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

IV. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU

1. Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán: 12.350.000 cổ phần
2. Loại cổ phiếu chào bán: Cổ phiếu phổ thông
3. Tổng giá trị cổ phiếu phát hành theo mệnh giá: 123.500.000.000 đồng
4. Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại thời điểm chốt danh sách cổ đông theo quy định của pháp luật. Cổ đông hiện hữu đồng thời nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và quyền mua từ phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
5. Phương thức chào bán: Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua.
6. Tỷ lệ thực hiện quyền dự kiến: $1.000 : 504$ (cổ đông sở hữu 1.000 cổ phiếu sẽ được quyền mua 504 cổ phiếu mới).
7. Giá chào bán: 20.000 đồng/ cổ phiếu
8. Phương án làm tròn: Số lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị để đảm bảo tổng số lượng cổ phiếu phân phối không vượt quá tổng số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán.
9. Chuyển nhượng quyền mua cổ phần: Cổ đông sở hữu quyền mua có thể chuyển nhượng quyền mua cổ phần cho người khác trong thời gian quy định, cổ đông được phép chia nhỏ quyền mua cổ phần để chuyển nhượng cho nhiều người khác nhau theo thỏa thuận. Bên nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phần không được chuyển nhượng cho bên thứ ba.
10. Phương thức xử lý cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết:
Số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết bao gồm:
 - Số cổ phiếu còn lại do cổ đông không thực hiện quyền mua (không đăng ký mua, không nộp tiền mua cổ phần,...).
 - Số cổ phiếu lẻ phát sinh khi làm tròn xuống đến hàng đơn vị khi chốt danh sách thực hiện quyền (nếu có).
 - Số cổ phiếu chênh lệch phát sinh giữa tổng số lượng cổ phiếu chào bán (12.350.000 cổ phần) và tổng số lượng cổ phiếu thực tế cổ đông đã thực hiện quyền mua.Số lượng cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết nêu trên sẽ được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT tiếp tục phân phối tiếp cho các nhà đầu tư khác với giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu và đảm bảo việc phân phối cổ phiếu tuân thủ theo đúng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều 195 Luật Doanh nghiệp.
11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu phát hành thêm:
 - + Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng.

+ Số lượng cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết khi chào bán cho các nhà đầu tư khác theo Nghị quyết của HĐQT sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

12. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài: ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thông qua phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty.

13. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu:

- Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu dự kiến (chưa trừ chi phí phát hành) là 247.000.000.000 đồng sẽ được sử dụng cho các mục đích dự kiến như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền dự kiến (đồng)
1	Thanh toán chi phí thuê cơ sở hạ tầng cho Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	156.000.000.000
2	Góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng kho hàng số 26, 27 tại khu dịch vụ Tân Cảng - Long Bình	91.000.000.000
	Tổng cộng	247.000.000.000

- ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lập phương án sử dụng vốn chi tiết phù hợp với tình hình thực tế của Công ty tại thời điểm triển khai phương án phát hành.

- Tỷ lệ chào bán thành công cho mục đích sử dụng vốn để thực hiện dự án tối thiểu: 70% tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán để thực hiện các dự án.

- Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán để thực hiện dự án trong trường hợp chào bán chỉ đạt tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu: Công ty sẽ cân nhắc và sử dụng riêng lẻ một cách tuần tự hoặc đồng thời các giải pháp như sau:

- Sử dụng vốn tự có của Công ty;
- Bổ sung từ vốn vay ngân hàng;
- Phát hành trái phiếu;
- Các giải pháp khác phù hợp với quy định của pháp luật.

- Trong trường hợp tỷ lệ chào bán thành công cho mục đích thực hiện dự án của đợt chào bán không đạt tối thiểu 70% tổng số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán để thực hiện các dự án (sau khi HĐQT đã thực hiện phân phối số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết), thì đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu sẽ bị hủy bỏ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Chứng Khoán.

14. Thời điểm thực hiện: Dự kiến trong năm 2024 hoặc thời điểm khác do HĐQT quyết định sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép chào bán. Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

dự kiến được nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đồng thời cùng hồ sơ phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

V. ĐĂNG KÝ BỔ SUNG VÀ NIÊM YẾT BỔ SUNG CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH THÊM

Thông qua việc Công ty đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký thay đổi niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM đối với số lượng cổ phiếu thực tế phát hành được sau khi kết thúc đợt phát hành theo quy định của pháp luật.

VI. TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CÔNG TY VỀ VỐN ĐIỀU LỆ

Thông qua việc đăng ký tăng vốn điều lệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và điều chỉnh vốn điều lệ trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty tương ứng với tổng giá trị cổ phiếu (theo mệnh giá) thực tế phát hành được sau khi kết thúc đợt phát hành theo quy định của pháp luật.

VII. CÁC NỘI DUNG ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ỦY QUYỀN CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THỰC HIỆN:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu, bao gồm nhưng không giới hạn:

1. Quyết định thời điểm phát hành cụ thể và thực hiện các thủ tục cần thiết liên quan đến việc triển khai phương án phát hành, đăng ký phát hành và triển khai thực hiện phát hành theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành, đảm bảo lợi ích của cổ đông;

2. Thông qua phương án phát hành cổ phiếu chi tiết, bao gồm việc bổ sung, hoàn chỉnh nội dung phương án phát hành và/hoặc sửa đổi phương án phát hành khi cần thiết (kể cả tỷ lệ thực hiện quyền dự kiến và trình tự thực hiện các đợt phát hành) để đảm bảo đợt phát hành thành công hoặc khi có ý kiến của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty (nếu có);

3. Thông qua phương án sử dụng vốn chi tiết thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, bao gồm việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung kế hoạch sử dụng vốn thu được hoặc điều chỉnh phân bổ số tiền thu được từ đợt chào bán cho các mục đích sử dụng vốn đã được thông qua cho phù hợp với thực tế kinh doanh, đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật;

4. Giao và ủy quyền cho HĐQT thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;

5. Quyết định phương án xử lý số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu (bao gồm quyết định tiêu chí, danh sách nhà đầu tư được phân phối tiếp, quyết định giá chào bán và các nội dung liên quan), quyết định kết thúc đợt chào bán. Xây dựng phương án xử lý trong trường hợp đợt chào bán không thu đủ số tiền như dự kiến;

6. Phê duyệt các hợp đồng, hồ sơ và các tài liệu khác liên quan đến việc phát hành cổ phiếu;

7. Thực hiện các thủ tục chốt danh sách cổ đông cho việc phát hành cổ phiếu. Hoàn tất các thủ tục cần thiết để tăng vốn điều lệ của Công ty;

8. Thực hiện các thủ tục và công việc cần thiết để đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bảo trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký thay đổi niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM cho số lượng cổ phiếu thực tế phát hành thêm sau khi kết thúc đợt phát hành theo quy định của pháp luật;

9. Thực hiện sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp liên quan đến việc thay đổi mức vốn điều lệ sau khi kết thúc đợt phát hành theo quy định của pháp luật;

10. Thông qua thay đổi phương án sử dụng vốn thu được sau khi kết thúc đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo quy định của pháp luật trong trường hợp cần thiết và báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất việc thay đổi phương án sử dụng vốn (nếu có);

11. Các vấn đề khác có liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu;

12. Tùy vào từng trường hợp cụ thể, HĐQT được ủy quyền/ giao cho Giám đốc thực hiện một hoặc một số công việc cụ thể nêu trên.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: **777** Quyển số: SCT

Ngày: **06-06-2024**

CÔNG CHỨNG VIÊN



TRẦN ĐÌNH KHƯƠNG



TRIỆU PHÚ

ĐÃ THU TIỀN



Số: 10 /2024/NQ-HĐQT

Biên Hòa, ngày 28 tháng 06 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

V/v: Thông qua triển khai chi tiết phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Long Bình (“Công ty”);
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/04/2024;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty ngày 28/06/2024.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1:

Thông qua triển khai chi tiết Phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/04/2024 như sau:

- Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình
- Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu
- Mã chứng khoán	ILB
- Tổng số cổ phiếu đã phát hành	24.502.245 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ	0 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	24.502.245 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán	12.350.000 cổ phiếu

- Giá trị cổ phiếu chào bán dự kiến (tính theo mệnh giá)	123.500.000.000 đồng
- Giá chào bán	20.000 đồng/cổ phiếu
- Đối tượng chào bán	Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam lập.
- Phương thức chào bán	Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua
- Tỷ lệ thực hiện quyền	1.000 : 504 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu thì được 01 quyền, cứ 1.000 quyền thì được mua 504 cổ phiếu mới).
- Phương án làm tròn	Số lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. <i>Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 1.100 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền. Với tỷ lệ thực hiện quyền 1.000:504; cổ đông A sẽ được quyền mua thêm: $(1.100 \times 504) / 1.000 = 554,4$ cổ phiếu. Theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị thì số lượng cổ phiếu mà cổ đông A được quyền mua thêm là 554 cổ phiếu.</i>
- Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu	Cổ đông sở hữu quyền mua có thể chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu cho người khác trong thời gian quy định, cổ đông được phép chia nhỏ quyền mua cổ phiếu để chuyển nhượng cho nhiều người khác nhau theo thỏa thuận. Bên nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu không được chuyển nhượng cho bên thứ ba.
- Phương án xử lý số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết	Số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết bao gồm: - Số cổ phiếu còn lại do cổ đông không thực hiện quyền mua (không đăng ký mua, không nộp tiền mua cổ phần,...).

	<p>- Số cổ phiếu lẻ phát sinh khi làm tròn xuống đến hàng đơn vị khi chốt danh sách thực hiện quyền (nếu có).</p> <p>- Số cổ phiếu chênh lệch phát sinh giữa tổng số lượng cổ phiếu chào bán (12.350.000 cổ phần) và tổng số lượng cổ phiếu thực tế cổ đông đã thực hiện quyền mua.</p> <p>Số lượng cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết nêu trên sẽ được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị tiếp tục phân phối tiếp cho các nhà đầu tư khác với giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu và số cổ phiếu này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán. Việc phân phối cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết phải tuân thủ theo đúng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều 195 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.</p> <p>Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư để phân phối số lượng cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cán bộ nhân viên của Công ty; + Hoặc tổ chức, cá nhân khác có năng lực tài chính để mua cổ phiếu Công ty (không giới hạn cổ đông Công ty); <p>Ngoài ra, Hội đồng quản trị Công ty cũng có thể quyết định kết thúc đợt phát hành ngay và báo cáo kết quả phát hành mà không cần tiếp tục thực hiện phân phối số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết cho nhà đầu tư khác như trên.</p>
- Điều kiện chuyển nhượng	<p>Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu là cổ phiếu tự do chuyển nhượng.</p> <p>Cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết khi chào bán cho nhà đầu tư khác theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.</p>

- Thời điểm phát hành	Dự kiến Quý 4/2024, sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng.
- Trình tự các đợt phát hành	Công ty sẽ triển khai đồng thời đợt phát hành này với đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận) và sẽ thực hiện chốt danh sách thực hiện quyền phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cùng ngày với chốt danh sách để thực hiện quyền mua của cổ đông hiện hữu trong đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.
- Đăng ký bổ sung và niêm yết bổ sung	Toàn bộ số cổ phiếu chào bán thành công sẽ được đăng ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSD) và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE).

Điều 2:

Thông qua phương án sử dụng vốn chi tiết thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu như sau:

- Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu dự kiến là 247.000.000.000 đồng sẽ được sử dụng cho các mục đích dưới đây, với thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới:

STT	Nội dung sử dụng vốn	Số tiền dự kiến (đồng)	Thời gian dự kiến giải ngân
1	Góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng kho hàng số 26, 27 tại khu dịch vụ Tân Cảng – Long Bình theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 10/2023/ILB-HTTC ngày 23/10/2023	91.000.000.000	Quý 1/Năm 2025 - Quý 2/Năm 2025
2	Thanh toán chi phí thuê cơ sở hạ tầng cho Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn theo các Hợp đồng sau:	156.000.000.000	Quý 01/Năm 2025 - Quý 02/Năm 2025

STT	Nội dung sử dụng vốn	Số tiền dự kiến (đồng)	Thời gian dự kiến giải ngân
2.1	Hợp đồng số 02/HĐ-ICDLB ngày 24/09/2009	44.480.782.268	
2.2	Hợp đồng số 243/HĐ-TC-KHKD ngày 10/08/2010	6.653.919.897	
2.3	Hợp đồng số 181/TCT-KHKD ngày 01/01/2015	17.513.043.900	
2.4	Hợp đồng số 256/TCT-KHKD ngày 01/06/2015	17.722.714.465	
2.5	Hợp đồng số 359/HĐ-KHKD ngày 01/10/2017	55.490.167.054	
2.6	Hợp đồng số 287/TCT-KHKD ngày 01/09/2018	14.139.372.416	
3.	Tổng cộng	247.000.000.000	

- Thứ tự ưu tiên sử dụng vốn: Trong trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu không đủ để sử dụng cho toàn bộ các mục đích dự kiến như trên, Công ty sẽ thực hiện phân bổ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Ưu tiên 1: Thực hiện góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng.
- Ưu tiên 2: Thanh toán các khoản chi phí thuê cơ sở hạ tầng cho Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn.

- Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu:

Tỷ lệ chào bán thành công cho mục đích sử dụng vốn để thực hiện dự án tối thiểu: 70% tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán để thực hiện dự án.

Cụ thể: Số tiền từ đợt chào bán sẽ được Công ty ưu tiên sử dụng để góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng thực hiện dự án đầu tư xây dựng 02 kho hàng số 26, 27 tại khu dịch vụ Tân Cảng – Long Bình là 91.000.000.000 đồng.

Như vậy, số tiền tối thiểu cần thu được từ đợt chào bán để thực hiện dự án là $91.000.000.000 \times 70\% = 63.700.000.000$ đồng, tương ứng với số lượng cổ phiếu chào bán tối thiểu là 3.185.000 cổ phiếu theo giá chào bán 20.000 đồng/cổ phiếu.

- Phương án xử lý trong trường hợp đợt chào bán không đạt tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu:

Trường hợp sau khi Công ty đã phân phối cổ phiếu (kể cả sau khi Hội đồng quản trị đã phân phối số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết cho nhà đầu tư khác)

mà đợt chào bán vẫn không đạt tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu (chào bán tối thiểu 3.185.000 cổ phiếu) thì đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu sẽ bị hủy bỏ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Chứng khoán.

- Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán để thực hiện dự án trong trường hợp Công ty không chào bán hết cổ phiếu hoặc Công ty chỉ đạt tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu (tối thiểu 3.185.000 cổ phiếu): Công ty sẽ cân nhắc và sử dụng riêng lẻ một cách tuần tự hoặc đồng thời các giải pháp như sau:

- Sử dụng vốn tự có của Công ty;
- Bổ sung từ vốn vay ngân hàng;
- Phát hành trái phiếu;
- Các giải pháp khác phù hợp với quy định của pháp luật.

- Trường hợp thời gian chào bán cổ phiếu thực tế kéo dài hơn dự kiến dẫn đến Công ty đã góp vốn hợp tác kinh doanh theo tiến độ với đối tác và thanh toán một phần chi phí thuê cơ sở hạ tầng cho Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn, Công ty sẽ điều chỉnh phương án sử dụng số tiền thực tế thu được từ đợt chào bán, trong đó ưu tiên sử dụng để thanh toán bù đắp cho nguồn vốn khác từ bên ngoài mà Công ty huy động để góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng và thanh toán chi phí thuê cơ sở hạ tầng cho Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn do không kịp hoàn thành đợt chào bán theo tiến độ sử dụng vốn thực tế.

Điều 3:

Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty như sau:

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty: 49% (Công văn số 1354/UBCK-PTTT ngày 21/03/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước).
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty (theo số liệu công bố tại website của Tổng Công ty Lưu ký và Chứng khoán Việt Nam ngày 06/06/2024): 4,21%.
- Đối với đợt chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty, nếu tất cả các cổ đông hiện hữu đều thực hiện quyền mua theo tỷ lệ cổ phiếu sở hữu thì sẽ không làm thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty.

Trường hợp phát sinh số lượng cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu, Hội đồng quản trị sẽ ưu tiên phân phối cho nhà đầu tư trong nước.

Điều 4:

Hội đồng quản trị cam kết sẽ triển khai việc niêm yết cổ phiếu phát hành thêm của Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình (mã chứng khoán: ILB) trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán theo quy định tại khoản 2 Điều 15 và khoản 2 Điều 29 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các quy định khác có liên quan.

Điều 5:

Giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức triển khai các công việc liên quan đến việc phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua theo quy định pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công ty, cụ thể như sau:

- Ký kết các tài liệu có liên quan đến việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu (bao gồm các tài liệu sửa đổi, bổ sung, thay thế).
- Quyết định cụ thể thời điểm và các vấn đề khác liên quan đến việc phát hành cổ phiếu;
- Thực hiện tất cả các thủ tục cần thiết để triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo Nghị quyết này, bao gồm nộp hồ sơ và giải trình các vấn đề có liên quan với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Thực hiện chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền với Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.
- Thực hiện các thủ tục công bố thông tin về việc phát hành cổ phiếu theo quy định.
- Sau khi kết thúc đợt chào bán, báo cáo kết quả chào bán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, thực hiện các thủ tục thay đổi vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thủ tục đăng ký cổ phiếu phát hành thêm với Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và thủ tục đăng ký niêm yết cổ phiếu phát hành thêm tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.
- Quyết định và thực hiện tất cả các vấn đề, thủ tục cần thiết khác để thực hiện và hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu nêu trên.

Điều 6:

Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, trưởng các phòng/ban chức năng căn cứ theo nghĩa vụ và quyền hạn có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Theo điều 6;

- BKS công ty;

- MBS (p/h);

- Ban NV, TK, TS;



GIÁM ĐỐC
Phạm Anh Tuấn

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT



PHAN VĂN TIẾN



ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	6
Chương I ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	7
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	7
Chương II TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT	9
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....	9
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	10
Chương III MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	11
Điều 4. Ngành nghề kinh doanh, mục tiêu hoạt động của Công ty.....	11
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....	12
Chương IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	13
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần và cơ cấu cổ phần.....	13
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	14
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	14
Điều 9. Sổ đăng ký cổ đông, chuyển nhượng cổ phần, mua lại cổ phần thanh toán cổ tức..	14
Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp).....	15
Chương V CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	15
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	15
Chương VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	16
Điều 12. Quyền của cổ đông	16
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	18
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	24
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	27
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	27
Điều 21. Điều kiện đề Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	30
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	31

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	32
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	33
Chương VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	34
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	34
Điều 26. Thành viên Hội đồng quản trị.....	35
Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	37
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị	41
Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	43
Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	47
Điều 31. Người phụ trách quản trị Công ty.....	47
Chương VIII GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA CÔNG TY.....	48
Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý	48
Điều 33. Người điều hành của Công ty.....	48
Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc.....	49
Điều 35. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và Bộ máy giúp việc.....	53
Điều 36. Thư ký Công ty.....	53
Điều 37. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc.....	54
Chương IX BAN KIỂM SOÁT	54
Điều 38. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát.....	54
Điều 39. Thành phần Ban kiểm soát	55
Điều 40. Trưởng Ban kiểm soát	56
Điều 41. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	56
Điều 42. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát	57
Điều 43. Cuộc họp của Ban kiểm soát	58
Điều 44. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Ban kiểm soát.....	58
Chương X TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC, NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA CÔNG TY	59
Điều 45. Trách nhiệm cẩn trọng của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Người quản lý khác và Người điều hành khác của Công ty	59
Điều 46. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	59
Điều 47. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	62
Điều 48. Công khai các lợi ích liên quan	62
Chương XI QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	63

Điều 49. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	64
Chương XII LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG; CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI.....	64
Điều 50. Lao động và tuyển dụng lao động	64
Điều 51. Tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp	65
Điều 52. Quyền lợi và trách nhiệm của người lao động	65
Điều 53. Các tổ chức chính trị xã hội trong Công ty	65
Điều 54. Công nhân viên và công đoàn	66
Chương XIII PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	66
Điều 55. Phân phối lợi nhuận.....	66
Chương XIV TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	67
Điều 56. Tài khoản ngân hàng	67
Điều 57. Năm tài chính	67
Điều 58. Chế độ kế toán.....	67
Chương XV BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	68
Điều 59. Báo cáo tài chính hàng năm, bán niên và quý	68
Điều 60. Báo cáo thường niên.....	68
Chương XVI KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	68
Điều 61. Kiểm toán	68
Chương XVII DẤU CỦA CÔNG TY	69
Điều 62. Dấu của Công ty	69
Chương XVIII ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC, CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT CỦA CÔNG TY.....	69
Điều 63. Đơn vị phụ thuộc và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết của Công ty	69
Điều 64. Quan hệ giữa Công ty với các đơn vị phụ thuộc	69
Điều 65. Quan hệ giữa Công ty với Công ty con và Công ty liên doanh, liên kết.....	70
Chương XIX GIẢI THỂ CÔNG TY.....	73
Điều 66. Giải thể Công ty	73
Điều 67. Thanh lý.....	74
Điều 68. Phá sản.....	74
Chương XX GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	74
Điều 69. Giải quyết tranh chấp nội bộ	74
CHƯƠNG XXI BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	75

Điều 70. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ này	75
Chương XXII NGÀY HIỆU LỰC.....	76
Điều 71. Ngày hiệu lực	76

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình thông qua ngày 20 tháng 04 năm 2022 và được cập nhật ngành nghề đăng ký kinh doanh theo Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 10 tháng 08 năm 2022 của Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai (sau đây gọi tắt là “Điều lệ”).

Chương I ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hoặc thay thế (nếu có);
- d) *Luật chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- đ) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- e) *Người quản lý của Công ty* bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác được Hội đồng quản trị phê chuẩn tại từng thời điểm;
- g) *Người điều hành của Công ty* bao gồm Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác được Hội đồng quản trị phê chuẩn căn cứ theo mô hình tổ chức của Công ty tại từng thời điểm;
- h) *Người có liên quan* là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp; khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- i) *Người có quan hệ gia đình* bao gồm vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.
- k) *Thời hạn hoạt động* là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
- l) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- m) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty cổ phần;

n) **Cổ đông sáng lập** là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Công ty cổ phần;

o) **Cổ đông lớn** là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

p) **Sở giao dịch chứng khoán** là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các Công ty con;

q) **Giấy tờ pháp lý của cá nhân** là một trong các loại giấy tờ sau đây: thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

r) **Giấy tờ pháp lý của tổ chức** là một trong các loại giấy tờ sau đây: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.

s) **Công ty/ICD Tân Cảng - Long Bình** là Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình;

t) **Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn** là Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn, viết tắt TCT TCSG.

u) **Công ty con** là Công ty mà ICD Tân Cảng - Long Bình:

u1. Sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành của Công ty đó;

u2. Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của Công ty đó;

u3. Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty đó; hoặc

u4. Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

v) **Công ty liên doanh, liên kết** là các doanh nghiệp khác mà Công ty có cổ phần, vốn góp không chi phối theo quy định của pháp luật, hoặc thỏa thuận liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật; có mối quan hệ gắn bó lâu dài về lợi ích kinh tế, công nghệ, thị trường;

Công ty liên doanh, liên kết được tổ chức dưới hình thức Công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc Công ty cổ phần ở trong nước và nước ngoài hoặc các loại hình Công ty khác phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật nước sở tại.

x) **Đơn vị phụ thuộc** bao gồm Chi nhánh, Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, trong đó:

x1. Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của Công ty, được thành lập hợp pháp, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của Công ty kể cả chức

năng đại diện theo ủy quyền. Ngành nghề kinh doanh của Chi nhánh phù hợp với ngành nghề kinh doanh của Công ty;

x2. Văn phòng đại diện là đơn vị phụ thuộc của Công ty, có nhiệm vụ đại diện theo ủy quyền cho lợi ích của Công ty và bảo vệ các lợi ích đó;

x3. Địa điểm kinh doanh là nơi mà Công ty tiến hành hoạt động kinh doanh cụ thể. Địa điểm kinh doanh có thể ở ngoài địa chỉ đăng ký trụ sở chính.

y) *Người đại diện phân vốn* là Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn của Công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác;

aa) *Quy chế quản lý nội bộ khác của Công ty* là các nội quy, quy chế, quy định, quy trình thuộc thẩm quyền của HĐQT, Giám đốc ban hành phục vụ các hoạt động quản lý điều hành Công ty;

bb) *Đầu tư ra ngoài Công ty* là việc sử dụng vốn của Công ty đầu tư, góp vốn để thành lập pháp nhân mới hoặc các hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được giải nghĩa trong Bộ luật Dân sự; Luật Doanh nghiệp; Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) thì mặc nhiên được hiểu và áp dụng tương tự trong Điều lệ này.

Chương II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

a) Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng – Long Bình

b) Tên tiếng Anh: ICD Tan Cang - Long Binh Joint Stock Company

c) Tên viết tắt: ICD Tân Cảng – Long Bình

2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

a) Địa chỉ: Số 10 Phan Đăng Lưu, KP7, phường Long Bình, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai.

b) Điện thoại : 0251.6255 999

c) Fax : 0251.6501 826

d) E-mail : marketing@icdlongbinh.com

e) Website : <http://www.icdlongbinh.com>

4. Công ty có thể thành lập Công ty con, chi nhánh và văn phòng Đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 65 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có một người đại diện theo pháp luật là Giám đốc.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tại Công ty khi xuất cảnh khỏi Việt Nam. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

Trường hợp hết hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc, hoặc cho đến khi HĐQT quyết định cử người khác thay thế.

Trường hợp vắng mặt ở Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc công việc nhất định thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Chương III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Ngành nghề kinh doanh, mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

Mã ngành	Ngành nghề kinh doanh của Công ty
5224	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Xếp dỡ hàng hóa, container.
5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Đại lý giao nhận hàng hóa; đại lý vận tải; Kiểm kiện, kiểm nghiệm, giám định, bảo hiểm hàng hóa; Dịch vụ cung ứng tàu biển, tiếp nhận bảo quản hàng hóa, máy móc; Dịch vụ tư vấn về giao nhận vận tải, xuất nhập khẩu, thông tin thị trường; Kinh doanh dịch vụ Logistics; Kinh doanh vận tải đa phương thức. - Gửi hàng, sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường bộ, đường biển; đại lý làm thủ tục hải quan; môi giới thuê tàu biển và máy bay, lấy mẫu, cân hàng hóa.
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
5012	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
5022	Vận tải hàng hóa đường thủy nội bộ
5210 (chính)	Kho bãi và lưu trữ hàng hóa Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Dịch vụ phân loại, lưu trữ hàng hóa và container.
8292	Dịch vụ đóng gói Chi tiết: Dịch vụ đóng gói hàng hóa, đóng gói container.
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, kinh doanh kho bãi
7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê phương tiện vận tải, container, thiết bị xếp dỡ. - Cho thuê pallet.

Mã ngành	Ngành nghề kinh doanh của Công ty
4610	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, ký gửi hàng hóa. - Môi giới hàng hóa, trừ lúa, gạo và các loại hàng hóa không được thực hiện quyền phân phối theo PL 03, TT 34/2013/TT-BCT
4641	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép Chi tiết: Bán buôn sản phẩm may mặc, giày dép
8230	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Tổ chức hội trợ, triển lãm, hội nghị, hội thảo
5320	Dịch vụ chuyển phát Chi tiết: Dịch vụ chuyển phát nhanh (trừ dịch vụ chuyển phát thư)
5221	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt
7710	Cho thuê xe có động cơ
0163	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch Chi tiết: Làm sạch, phân loại nông sản
5225	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho hỗ trợ đường bộ
8110	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp
8130	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan

2. Công ty được thành lập để huy động vốn và sử dụng có hiệu quả trong việc sản xuất kinh doanh nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa cho các cổ đông, tạo việc làm ổn định cho người lao động, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty trên cơ sở tự tích lũy để tái đầu tư phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh. Thông qua hoạt động, Công ty góp phần đem lại hiệu quả kinh tế cao cho xã hội, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống cho người lao động trong Công ty. Hoàn thành tốt các nhiệm vụ kinh tế, quốc phòng được TCT TCSG giao.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua, đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công

ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

Chương IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐỒNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần và cơ cấu cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 245.022.450.000 đồng (Hai trăm bốn mươi lăm tỉ không trăm hai mươi hai triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng chẵn).

2. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 24.502.245 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng một cổ phần.

3. Cơ cấu góp vốn cụ thể như sau:

STT	Họ tên cổ đông	Tổng số cổ phần		Loại cổ phần phổ thông		Tỉ lệ (%)
		Số lượng	Giá trị (VNĐ)	Số lượng	Giá trị (VNĐ)	
1	Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn	12.575.000	125.750.000.000	12.575.000	125.750.000.000	51,32
2	Cổ đông khác	11.927.245	119.272.450.000	11.927.245	119.272.450.000	48,68
TỔNG CỘNG		24.502.245	245.022.450.000	24.502.245	245.022.450.000	100

3. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

4. Tất cả các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

5. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỉ lệ tương ứng với tỉ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội

đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 2 (hai) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác nhưng đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật.

Điều 9. Sổ đăng ký cổ đông, chuyển nhượng cổ phần, mua lại cổ phần thanh toán cổ tức

Các quy định về sổ đăng ký cổ đông, chào bán cổ phần, chuyển nhượng, thừa kế, mua lại cổ phần, thanh toán cổ tức được thực hiện theo quy định tại các Điều từ 122 đến Điều 136 Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi và thực hiện theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 điều này và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỉ lệ tương đương lãi suất Ngân hàng TMCP Quân đội - Hội sở cùng kỳ hạn, vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Chương V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản trị và kiểm soát của Công ty cổ phần ICD Tân Cảng

- Long Bình, bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Giám đốc.

Chương VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện được ủy quyền hoặc hình thức khác theo quy định Điều lệ này, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỉ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỉ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ với Nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có

các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỉ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc

một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại thực hiện theo quy định tại Điều 25, Điều 38 Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế, quy định được Đại hội đồng cổ đông thông qua; chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông;

c) Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

4. Trường hợp Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông/lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo hình thức hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác, cổ đông có trách nhiệm bảo mật tài khoản và/hoặc các yếu tố khác mà cổ đông được cung cấp để đảm bảo rằng chỉ có cổ đông mới được quyền thực hiện bỏ phiếu. Mọi kết quả bỏ phiếu theo đúng trình tự thủ tục được mặc nhiên coi là ý chí của cổ đông. Cổ đông tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và Công ty về kết quả bỏ phiếu đã được thực hiện thông qua tài khoản và/hoặc các yếu tố khác mà cổ đông đã được cung cấp và Công ty không chịu trách nhiệm trong trường hợp có bất kỳ tranh chấp nào (nếu có) liên quan đến kết quả bỏ phiếu.

Ngoài ra, trong trường hợp Công ty tổ chức cuộc họp đại hội đồng cổ đông theo hình thức trực tuyến hoặc hình thức trực tuyến kết hợp trực tiếp, cổ đông có trách nhiệm tuân thủ các nghĩa vụ liên quan về thực hiện tham dự và bỏ

phiếu theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế tổ chức Đại hội và các quy định khác có liên quan.

5. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua;

6. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

9. Cổ đông lớn có nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, ngoài ra phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau:

a) Không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

b) Công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính hằng năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do, mục đích cuộc họp và các nội dung khác theo quy định tại khoản 4 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên của Hội đồng quản trị hoặc thành viên của Ban kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

5. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các thủ tục theo khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp và điều 18, 19, 20 Điều lệ này.

6. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo điểm a, b, c khoản 4 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại. (Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại).

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển 05 (năm) năm của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- đ) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- e) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- g) Xem xét, xử lý các vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
- h) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt/sửa đổi Quy chế nội bộ và quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm, kế hoạch đầu tư, kế hoạch ngân sách hằng năm và kế hoạch 05 (năm) năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty;
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của thành viên Ban kiểm soát;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, lương, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành cho mỗi loại cổ phần;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;

q) Quyết định và chịu trách nhiệm thông qua:

q1. Đầu tư ra ngoài Công ty (mua cổ phần, vốn góp và các hình thức khác) có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty tại thời điểm quyết định;

q2. Dự án đầu tư, nâng cấp, xây dựng, mua sắm tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty tại thời điểm quyết định;

q3. Hợp đồng vay, phương án huy động vốn có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi nhận trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty tại thời điểm quyết định;

q4. Hợp đồng cho vay có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty tại thời điểm quyết định;

q5. Hợp đồng mua hàng hoá, dịch vụ đảm bảo sản xuất, kinh doanh thường xuyên phát sinh ngoài Kế hoạch SXKD có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty tại thời điểm quyết định;

q6. Hợp đồng thuê/cho thuê tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty tại thời điểm quyết định;

q7. Phương án thanh lý, nhượng bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty tại thời điểm quyết định;

q8. Giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất;

q9. Các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.

r) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

s) Phê duyệt/sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;

t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.

3. Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.

4. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a) Đại hội xem xét quyết định các giao dịch, dự án, hợp đồng quy định tại điểm q khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan của cổ đông đó là một bên của giao dịch, dự án, hợp đồng;

b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỉ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định pháp luật.

5. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp, cụ thể như sau:

a) Cổ đông là cá nhân chỉ được ủy quyền cho 01 cá nhân hoặc tổ chức khác dự họp;

b) Cổ đông là tổ chức nắm giữ dưới 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ủy quyền tối đa 2 (hai) cá nhân hoặc tổ chức khác, từ 10% (mười phần trăm) đến dưới 50% (năm mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ủy quyền tối đa 3 (ba) cá nhân hoặc tổ chức khác dự họp; tổ chức nắm giữ từ 50% (năm mươi phần trăm) trở lên tổng số cổ

phần có quyền biểu quyết được ủy quyền tối đa 5 (năm) cá nhân hoặc tổ chức khác dự họp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân hoặc tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên 24 (hai mươi bốn) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành, trừ trường hợp chỉ có một (01) cổ đông nắm giữ cổ phần loại đó. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại

diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, Điều 19 và Điều 20 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày liền trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát (nếu có);

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức cuộc họp;

g) Thông báo và gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty

niêm yết. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát (nếu có);
- c) Phiếu biểu quyết/bầu cử;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ liên lạc đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể được đặt trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, thông tin định danh của cổ đông (số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; mã số doanh nghiệp, số quyết định thành lập hoặc tài liệu tương đương khác đối với cổ đông là tổ chức); số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ; và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác do Điều lệ này và pháp luật quy định.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

7. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều này.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên. Người triệu tập họp sẽ thông báo hủy bỏ cuộc họp nếu trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội mà không đủ số lượng cổ đông dự họp cần thiết theo quy định tại khoản này.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết và/hoặc phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên Đại diện được ủy quyền (nếu cần thiết) và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của

Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông đến dự sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký, Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp; Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu phục vụ cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa của đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán

thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa hoặc đại diện Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp (trừ trường hợp bất khả kháng).

6. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

7. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đã có đủ số người đăng ký dự họp (mà không cần lấy ý kiến của Đại hội) tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

c) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

d) Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ; hoặc

đ) Khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng Đại biểu dự họp cần thiết.

8. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 7 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

9. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia Đại hội ở Địa điểm chính của Đại hội.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/ND-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. Việc họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức này được tổ chức tùy theo hoàn cảnh và khả năng của Công ty và được quy định cụ thể tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này và khoản 6 Điều 148 Luật doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty quy định tại Điều 11 Điều lệ này;
- d) Dự án đầu tư, các hợp đồng, giao dịch quy định tại Điểm q và điểm s Khoản 2 Điều 15 Điều lệ Công ty;
- e) Tổ chức lại, giải thể Công ty.
- e) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này (nếu có).

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều này và khoản 6 Điều 148 Luật doanh nghiệp.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

6. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập họp thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về tất cả vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và các tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/bầu cử hợp lệ và số phiếu biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- đ) Vấn đề đã được thông qua và tỉ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu hoặc có thể thay thế bằng việc công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - d) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỉ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h) Tổng hợp số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
 - i) Các vấn đề đã được thông qua và tỉ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - k) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng bằng tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
5. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Biên bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 21 Điều lệ này;

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị yêu cầu hủy bỏ vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Chương VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên Hội đồng quản trị tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của các Công ty khác);
- d) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty hoặc Quy chế bầu cử (nếu có);
- g) Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử các ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đề cử một (01) ứng cử viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị phải đảm bảo:

a) Tối thiểu 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành (xác định theo phương thức làm tròn xuống); và

b) Có 01 (một) thành viên độc lập.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty và có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của Công ty khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp và khoản 7 Điều này.

7. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Bị rối loạn tâm thần và có bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- d) Bị chết, bị mất tích, đã có quyết định của Tòa tuyên bố là đã chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- đ) Vi phạm quy định pháp luật, vi phạm Điều lệ Công ty.
- e) Tiết lộ thông tin, tài liệu làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng cho Công ty;
- g) Không đủ khả năng đảm nhận công việc.

8. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Điều lệ này và phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện trong thời hạn sớm nhất nhưng không được muộn hơn 07 (bảy) ngày kể từ ngày nói trên.

9. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

b) Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng, kế hoạch, mục tiêu hoạt động của Công ty trong từng thời kỳ;

c) Tham dự đầy đủ các phiên họp Hội đồng quản trị, thảo luận, có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận, biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung của phiên họp và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông về ý kiến của mình và về việc thực hiện nhiệm vụ, công việc được phân công trực tiếp đảm nhận;

d) Phụ trách công việc theo sự phân công, phân nhiệm của Hội đồng quản trị;

đ) Thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị có liên quan đến từng thành viên và chấp hành việc phân công, phân nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

e) Không được lợi dụng chức vụ để trục lợi hoặc có hành động chiếm đoạt cơ hội kinh doanh của Công ty, làm thiệt hại lợi ích của Công ty; có trách nhiệm bảo mật thông tin của Công ty;

g) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

h) Báo cáo kịp thời và đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn của Công ty;

i) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, Công ty con với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) hoặc cổ đông lớn;

k) Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật;

l) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển 05 (năm) năm và kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch ngân sách hằng năm của Công ty;

b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

d) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

đ) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e) Kiến nghị việc chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền với Đại hội đồng cổ đông; quyết định việc phát hành trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất;

g) Quyết định việc Công ty mua lại cổ phần và mức giá mua lại cổ phần của Công ty theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

h) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

i) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

k) Quyết định và chịu trách nhiệm thông qua:

k1. Đầu tư ra ngoài Công ty (mua cổ phần, vốn góp và các hình thức khác) có giá trị dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty tại thời điểm quyết định;

k2. Dự án đầu tư, nâng cấp, xây dựng; mua sắm tài sản có giá trị trên 01 (một) tỉ đồng đến dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty tại thời điểm quyết định;

k3. Hợp đồng vay, phương án huy động vốn có giá trị trên 01 (một) tỉ đồng đến dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty tại thời điểm quyết định;

k4. Hợp đồng cho vay có giá trị dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty tại thời điểm quyết định;

k5. Hợp đồng mua hàng hoá, dịch vụ đảm bảo sản xuất, kinh doanh thường xuyên phát sinh ngoài Kế hoạch SXKD có giá trị trên 01 (một) tỉ đồng đến dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty tại thời điểm quyết định;

k6. Hợp đồng thuê/cho thuê tài sản có giá trị trên 04 (bốn) tỉ đồng đến dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty tại thời điểm quyết định;

k7. Phương án thanh lý, nhượng bán tài sản có giá trị dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty tại thời điểm quyết định và được quy định chi tiết tại Quy chế tài chính của Công ty;

Các Quyết định quy định tại điểm k khoản 2 Điều này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp; khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp; điểm q khoản 2 Điều 15 Điều lệ này; khoản 8 và khoản 11 Điều 46 Điều lệ này và phương án thanh lý tài sản khi giải thể Công ty quy định tại Điều lệ này.

l) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác gồm: các phó Giám đốc, Kế toán trưởng; cử, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật người đại diện phần vốn hoặc người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

m) Bổ nhiệm và miễn nhiệm Người điều hành của Công ty theo đề nghị của Giám đốc và quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của họ. Nhiệm kỳ của những Người điều hành này là 05 (năm) trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được bổ nhiệm lại. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động;

n) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và Người quản lý khác của Công ty trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

o) Đề xuất cơ cấu, mô hình tổ chức quản lý của Công ty theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo thẩm quyền;

p) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty và việc góp vốn, mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp khác, hợp tác kinh doanh không thành lập pháp nhân (BCC).

q) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

r) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

s) Kiến nghị mức cổ tức được trả và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

t) Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

u) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

v) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với Người điều hành của Công ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người điều hành đó;

x) Thông qua biểu giá dịch vụ (mua, bán), định mức chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty (trừ giá nguyên, nhiên, vật liệu, hàng

hóa, dịch vụ do nhà nước thống nhất quản lý, công bố giá, như giá điện, nước, xăng, dầu...) và trường hợp có chênh lệch tăng, giảm từ 10% (mười phần trăm) trở lên so với biểu giá dịch vụ (mua, bán), định mức chi phí liên quan đã được phê duyệt, thông qua;

y) Đình chỉ quyết định của Giám đốc Công ty nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ này, nghị quyết hoặc các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc đề hạn chế tổn thất;

z) Được sử dụng tài sản, danh của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là Đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

b) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty với mức giá trị theo quy định tại Điều lệ này;

c) Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

d) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công ty;

đ) Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty;

e) Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty;

g) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

h) Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và Người quản lý khác của Công ty, bao gồm việc sử dụng tài sản Công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;

i) Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty;

k) Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị Công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và Người quản lý khác của Công ty;

l) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

5. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

6. Trường hợp nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

7. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với quy định tại Điều lệ Công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3) để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

b) Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

8. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm chức Giám đốc của Công ty.

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Thay mặt Hội đồng quản trị thực hiện triệu tập và chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

c) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

d) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; giám sát, theo dõi, kiểm tra quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Thay mặt Hội đồng quản trị hoặc theo phân công nhiệm vụ của Hội đồng quản trị ký các nghị quyết/quyết định và các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Ký quyết định bổ nhiệm các chức danh nhân sự giúp việc chuyên trách hoặc kiêm nhiệm cho Hội đồng quản trị Công ty; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, và đề nghị Giám đốc quyết định tiền lương, phụ cấp, quyền lợi khác của các chức danh này;

g) Thay mặt Hội đồng quản trị giám sát, chỉ đạo Giám đốc và Người quản lý khác trong điều hành công việc, sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty và các công việc khác theo phân công nhiệm vụ của Hội đồng quản trị;

h) Có quyền tham dự các cuộc giao ban, cuộc họp do Ban Giám đốc chủ trì. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền kết luận cuộc họp;

i) Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm đình chỉ những quyết định của Giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ hoặc nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty; sau đó phải báo cáo bằng văn bản đến Hội đồng quản trị để có quyết định chính thức về việc đình chỉ hoặc hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ đó trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày ra quyết định tạm đình chỉ, và chịu trách nhiệm về quyết định của mình;

k) Có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi tài liệu họp (báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động, báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị, các tài liệu họp khác) cho các cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định;

l) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này; Luật Doanh nghiệp; Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch điều hành Hội đồng quản trị Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế của Công ty; quy định và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ trái với các quy định trên mà gây thiệt hại cho Công ty thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành

nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỉ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỉ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ hoặc bất kỳ khi nào thấy cần thiết, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy (07) ngày trước ngày họp dự kiến.

3. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể họp bất thường. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
- b) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- c) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- d) Có đề nghị của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 3 Điều này có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất bảy (07) ngày trước ngày họp. Thông

báo mời họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải xác định cụ thể chương trình, thời gian, địa điểm họp, nội dung các vấn đề cần thảo luận và quyết định kèm theo những tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết cho các thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể được gửi bằng giấy mời trực tiếp, bưu điện, điện thoại, fax, thư điện tử, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Trường hợp có yêu cầu của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để thảo luận về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

9. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở trụ sở chính của Công ty hoặc những địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

10. Cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

11. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 12 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

12. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

13. Biểu quyết:

a) Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này;

c) Theo quy định tại điểm b nói trên, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp Hội đồng quản trị liên quan đến quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.

14. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

15. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết, quyết định nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

16. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời;

c) Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức như quy định tại khoản này sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng biên bản họp theo quy định tại khoản 18 Điều này.

17. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản đề thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Điều 27 Điều lệ này.

Nghị quyết, quyết định theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

18. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Cụ thể:

a) Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài (nếu cần thiết), bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- a2. Thời gian, địa điểm họp;
- a3. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- a4. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- a5. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- a6. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- a7. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, những thành viên không tán thành và không có ý kiến;
- a8. Các vấn đề đã được thông qua và tỉ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- a9. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này.

b) Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các tiết từ a1 đến a8 thuộc điểm a khoản này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về

thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

c) Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

d) Biên bản họp Hội đồng quản trị và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp đó phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

đ) Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được áp dụng.

Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban. Trường hợp Công ty không thành lập các tiểu ban thì Hội đồng quản trị cử thành viên độc lập Hội đồng quản trị phụ trách riêng về từng vấn đề như lương thưởng, nhân sự.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 31. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Có hiểu biết về pháp luật;

b) Không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Chương VIII

GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA CÔNG TY

Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó giám đốc, một Kế toán trưởng, và các chức danh quản lý khác (nếu có) do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Ngoài ra Công ty còn có các chức danh quản lý khác do Giám đốc Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm theo Điều lệ và các quy định của Công ty.

Điều 33. Người điều hành của Công ty

1. Người điều hành của Công ty bao gồm Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng Người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định tại từng thời điểm. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm và sự miễn cưỡng cần thiết để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tiền lương, thưởng, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những Người điều hành khác của Công ty sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.

4. Tiền lương của Người điều hành của Công ty được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác.

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty;

c) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, thành viên Ban kiểm soát của Công ty và Công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và Công ty mẹ;

d) Các tiêu chuẩn khác quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

4. Nhiệm kỳ của Giám đốc là 05 (năm) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác ngắn hơn và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn

chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

5. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị (bao gồm thay mặt Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch, tổ chức điều hành sản xuất kinh doanh theo những thông lệ tốt nhất; ban hành các nội quy, quy định, định mức nội bộ phục vụ quản lý điều hành Công ty thuộc thẩm quyền hoặc được Hội đồng quản trị giao nhiệm vụ);

c) Quyết định và chịu trách nhiệm các giao dịch, hợp đồng sau:

c1. Mua hàng hoá, dịch vụ đảm bảo sản xuất, kinh doanh thường xuyên phát sinh ngoài Kế hoạch SXKD có giá trị đến 01 (một) tỉ đồng, trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ phù hợp với biểu giá đã được Hội đồng quản trị phê duyệt thông qua thì Giám đốc Công ty được quyền quyết định vượt mức này;

c2. Từng hợp đồng vay, phương án huy động vốn có giá trị đến 01 (một) tỉ đồng. Đối với hợp đồng huy động vốn với các tổ chức, cá nhân không phải là tổ chức hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng phải được Hội đồng quản trị phê duyệt thông qua;

c3. Từng hợp đồng thuê tài sản, cho thuê tài sản thời hạn không quá 24 tháng và có giá trị đến 04 (bốn) tỉ đồng; trừ các hợp đồng thuê, cho thuê tài sản là quyền sử dụng đất;

c4. Thực hiện ký kết hợp đồng hoặc gia hạn hợp đồng thuê, cho thuê kho, bãi, cơ sở hạ tầng và dịch vụ liên quan có thời hạn không quá 24 tháng và giá dịch vụ, chi phí phù hợp theo biểu giá đã được Hội đồng quản trị chấp thuận thông qua;

c5. Đầu tư, nâng cấp, xây dựng; mua sắm tài sản có giá trị đến 01 (một) tỉ đồng. Trình tự thủ tục được quy định chi tiết tại Quy chế tài chính của Công ty.

d) Giám đốc tổ chức triển khai thực hiện:

d1. Các dự án, giao dịch, hợp đồng thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ này sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua/phê duyệt theo thẩm quyền;

d2. Trường hợp các dự án, giao dịch, hợp đồng đã được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua/phê duyệt nhưng phát sinh vượt mức phê duyệt, thì Giám đốc quyết định theo thẩm quyền quy định tại điểm c khoản này và báo cáo kết quả thực hiện tại phiên họp Hội đồng quản trị gần nhất. Trường

hợp mức phát sinh vượt quá thẩm quyền thì Giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị quyết định.

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

e) Kiến nghị số lượng và Người điều hành mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với Người điều hành của Công ty để Hội đồng quản trị quyết định;

g) Tham khảo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

h) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

i) Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

k) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

l) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh;

m) Trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính và biểu giá dịch vụ, định mức chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hằng năm. Báo cáo Hội đồng quản trị các Hợp đồng kinh tế thuộc thẩm quyền ký kết để Hội đồng quản trị giám sát, và theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;

n) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Giám đốc và pháp luật;

o) Có thể ủy quyền bằng văn bản cho các Phó Giám đốc hoặc người quản lý khác thực hiện một số quyền và nghĩa vụ trong phạm vi của Giám đốc;

Khi thực hiện ủy quyền, Giám đốc phải báo cáo và gửi kèm văn bản ủy quyền cho Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát theo dõi. Nội dung, phạm vi ủy quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

p) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ được giao của cán bộ, nhân viên, người lao động thuộc quyền quản lý trong Công ty;

q) Kịp thời báo cáo, xin ý kiến Hội đồng quản trị về những nội dung phát sinh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

r) Thực hiện việc chỉ đạo cơ quan, đơn vị nghiệp vụ Công ty kiểm tra, giám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính của các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết, hợp nhất báo cáo tài chính theo quy định và báo cáo Hội đồng quản trị;

s) Được quyền quyết định các biện pháp xử lý vượt thẩm quyền trong các trường hợp khẩn cấp: thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn và các sự cố khác và chịu trách nhiệm về quyết định này đồng thời báo cáo cho Hội đồng quản trị biết;

t) Chịu trách nhiệm về việc quản lý và sử dụng vốn đầu của Công ty. Đảm bảo cho Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Trưởng Ban Kiểm soát được sử dụng vốn đầu khi ra các văn bản thuộc thẩm quyền;

u) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

v) Thực hiện điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ Công ty hoặc hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp điều hành trái với các quy định, này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty. Trường hợp Giám đốc và những người quản lý khác nhận thấy các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị chưa phù hợp thì Giám đốc phải báo cáo ngay Hội đồng quản trị và có quyền bảo lưu ý kiến bằng văn bản nhưng vẫn phải có trách nhiệm thực thi. Ý kiến bảo lưu được xem xét miễn trừ trách nhiệm đối với các thiệt hại phát sinh (nếu có);

x) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và quy chế quản lý nội bộ Công ty quy định (nếu có).

6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế. Giám đốc có thể bị Hội đồng quản trị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Bị chết, bị mất tích hoặc đã có quyết định của Tòa án tuyên bố là đã chết, mất tích hay bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

b) Không còn đáp ứng đủ điều kiện và tiêu chuẩn để làm Giám đốc theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

c) Trường hợp Giám đốc có đơn xin từ chức, thì Giám đốc phải gửi đơn bằng văn bản cho Chủ tịch Hội đồng quản trị đến trụ sở chính của Công ty. Trong thời hạn không quá 45 (bốn mươi lăm) ngày, Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập họp Hội đồng quản trị để bổ nhiệm Giám đốc mới. Giám đốc vẫn tiếp tục đảm nhiệm công việc cho đến khi hết thời hạn nêu trên hoặc cho đến khi Giám đốc mới được bổ nhiệm (nếu thời hạn trên kết thúc trước khi Giám đốc mới được bổ nhiệm).

Y
AN
O
AM
BIN
TAP

AM
BIN
TAP

7. Hội đồng quản trị thông qua việc miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ nhiệm Giám đốc mới theo cơ chế hợp và ra nghị quyết, quyết định theo quy định Điều lệ này (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Giám đốc).

8. Trong trường hợp Giám đốc Công ty không có mặt để xử lý các công việc, Hội đồng quản trị sẽ xem xét cử Phó Giám đốc hoặc người quản lý khác thay mặt giải quyết một số công việc trong quyền hạn của Giám đốc. Việc cử này phải được thực hiện bằng quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 35. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và Bộ máy giúp việc

1. Phó Giám đốc giúp Giám đốc điều hành Công ty theo phân công hoặc ủy quyền của Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

2. Các phòng, ban hoặc bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị tương đương của Công ty có chức năng tham mưu, giúp việc Hội đồng quản trị, Giám đốc trong quản lý, điều hành Công ty.

3. Nhiệm vụ cụ thể của các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị tương đương được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty.

4. Trong quá trình hoạt động, Giám đốc có thể kiến nghị Hội đồng quản trị quyết định việc thay đổi cơ cấu tổ chức, biên chế, số lượng và chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị tương đương cho phù hợp với nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều 36. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty hoặc bổ nhiệm kiêm nhiệm chức danh thư ký Công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Thư ký Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông;

đ) Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật.

Điều 37. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị, trả lương, thưởng cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc theo kết quả, hiệu quả kinh doanh và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Hội đồng quản trị. Đối với tiền lương, thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Mức tiền lương, thưởng thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và các quy chế nội bộ Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị (không bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị) được nhận thù lao, thưởng cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị (không bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị) theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

4. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị, tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

5. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành, hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

**Chương IX
BAN KIỂM SOÁT**

Điều 38. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định về ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều 25 Điều lệ này và quy định sau đây:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử các ứng cử viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đề cử một (01) ứng cử viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 39. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
- c) Là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và Công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty mẹ và tại Công ty.

3. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Bị rối loạn tâm thần và có bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

5. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

6. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

Điều 40. Trưởng Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Kiểm soát;

c) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để Ban Kiểm soát lập báo cáo trình lên Đại hội đồng cổ đông;

d) Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị nếu xét thấy cần thiết;

đ) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông. Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát;

e) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, Điều lệ này.

Điều 41. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Người quản lý khác của Công ty.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

5. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị chức năng của TCT TCSG thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu.

6. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và Người điều hành khác của Công ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ kể từ thời điểm phát hiện, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

7. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

8. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

9. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của Người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

10. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và Người quản lý khác của Công ty cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

11. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 42. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định tại Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát có các nghĩa vụ sau đây:

a) Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d) Phối hợp chặt chẽ với Kiểm toán nội bộ TCT TCSG; chịu sự kiểm tra, giám sát của TCT TCSG trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của Ban kiểm soát.

đ) Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 2 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

4. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 43. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham dự họp tối thiểu là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời tất cả các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin, tài liệu khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho các thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm và theo phương thức như được cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 44. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Ban kiểm soát



Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Trưởng Ban kiểm soát được trả tiền lương, thưởng; thành viên Ban kiểm soát (không phải Trưởng Ban kiểm soát) được trả thù lao, thưởng. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên của Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Chương X

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC, NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA CÔNG TY

Điều 45. Trách nhiệm căn trọng của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Người quản lý khác và Người điều hành khác của Công ty

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Người quản lý khác và Người điều hành khác của Công ty có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và căn trọng vì lợi ích cao nhất của Công ty.

Điều 46. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và Người quản lý khác của Công ty phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp và quy định pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Người quản lý khác, Người điều hành khác của Công ty và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và Người quản lý khác của Công ty có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, Công ty con với

chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:

a) Các giao dịch giữa Công ty với Công ty mà các đối tượng trên là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

b) Các giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó người có liên quan của các đối tượng trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) hoặc cổ đông lớn.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

6. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Người quản lý khác, Người điều hành khác của Công ty và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

7. Công ty không được cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các đối tượng sau:

a) Cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân;

b) Cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ trường hợp cổ đông là Công ty con trong trường hợp Công ty con là Công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của Công ty trước ngày 01 tháng 7 năm 2015;

c) Người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ trường hợp Công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các Công ty trong cùng tập đoàn hoặc các Công ty hoạt động theo nhóm Công ty, bao gồm Công ty mẹ - Công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ Công ty và trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

8. Công ty chỉ được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này nếu giao dịch đó được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Người quản lý khác mà Công ty và tổ

13/12/2015
AN
HIN

13/12/2015

chức đó là các Công ty trong cùng tập đoàn hoặc các Công ty hoạt động theo nhóm Công ty, bao gồm Công ty mẹ - Công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ Công ty.

9. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

b) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và Người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

10. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch với đối tượng theo quy định khoản 9 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

11. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:

a) Hợp đồng, giao dịch với đối tượng theo quy định khoản 9 Điều này và có giá trị từ 20% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.

b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

12. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 11 Điều này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

Điều 47. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Người quản lý khác và Người điều hành khác của Công ty vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, miễn cẩn và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Người quản lý khác của Công ty, Người điều hành khác của Công ty, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty và với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cẩn vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Những chi phí được bồi thường bao gồm: chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Điều 48. Công khai các lợi ích liên quan

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ mình với Công ty, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỉ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ.

3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Công ty phải thông báo Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ Danh sách nói trên tại các Chi nhánh của Công ty;

c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác được quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;

d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản 4 Điều này được tiếp cận trích lục và sao chép danh sách những người có liên quan của Công ty và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này;

đ) Trình tự, thủ tục trích lục và sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện như sau:

đ1. Những người quy tại điểm c khoản 4 Điều này bằng văn bản gửi Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Người được ủy quyền, yêu cầu được trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

đ2. Tại trụ sở chính, trong giờ làm việc Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Người được ủy quyền có trách nhiệm phê duyệt đồng ý hay không đồng ý vào văn bản yêu cầu và chuyển cho Thư ký Hội đồng quản trị là người có trách nhiệm cung cấp trích lục theo phê duyệt.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, Công ty con với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc với những người có liên quan của mình theo quy định của pháp luật.

6. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương XI

QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 49. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên của Công ty có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Cổ đông thực hiện việc tra cứu sổ sách và hồ sơ trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Người điều hành khác của Công ty có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ này phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Chương XII

LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG; CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI

Điều 50. Lao động và tuyển dụng lao động

1. Việc tuyển dụng, sử dụng, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động thực hiện theo Bộ Luật lao động, Thỏa ước lao động tập thể Công ty và Hợp đồng lao động đã ký giữa Giám đốc Công ty (hoặc



Handwritten signature or mark.

người được Giám đốc ủy quyền) với Người lao động, và các quy chế quản lý nội bộ Công ty quy định.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có quyền tuyển dụng, ký hợp đồng lao động hoặc chấm dứt hợp đồng lao động đối với Người lao động theo nhu cầu hoặc kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty và phù hợp với quy định của Bộ Luật lao động, Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

3. Trong quá trình hoạt động, xét thấy cần bổ sung lao động, Công ty sẽ tuyển dụng những người có năng lực, trình độ phù hợp và có khả năng hoàn thành công việc mà Công ty cần theo Quy chế tuyển dụng, Thỏa ước lao động tập thể hợp pháp của Công ty.

Điều 51. Tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp

Tiền lương, tiền thưởng và các khoản phụ cấp lương của người lao động được trả theo năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc của Người lao động, phù hợp với quy định của Bộ luật lao động, pháp luật có liên quan và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều 52. Quyền lợi và trách nhiệm của người lao động

1. Quyền lợi: Người lao động trong Công ty được hưởng quyền lợi theo quy định của Điều lệ này, các quy chế quản lý nội bộ Công ty quy định, Thỏa ước lao động tập thể hợp pháp của Công ty.

Người lao động được hưởng và đảm bảo chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Nghĩa vụ: Người lao động phải hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, có nghĩa vụ chấp hành Điều lệ này, nội quy kỷ luật lao động hợp pháp của Công ty đã đăng ký tại Cơ quan lao động địa phương theo quy định của pháp luật lao động và các quy chế nội bộ khác của Công ty phù hợp với quy định pháp luật có liên quan trực tiếp đến nghĩa vụ và quyền lợi của Người lao động. Đối với những người vi phạm kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất, Giám đốc Công ty thực hiện xử lý vi phạm kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất theo Nội quy kỷ luật lao động của Công ty và phù hợp với quy định của pháp luật lao động.

Điều 53. Các tổ chức chính trị xã hội trong Công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty bao gồm Công đoàn, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian và điều kiện cần thiết khác để các tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội tại Công ty hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 54. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Chương XIII PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 55. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp bằng tiền mặt hoặc qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định quy định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc

người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Hằng năm, Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế như sau:

a) Trích lập các quỹ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tỷ lệ trích lập các quỹ do Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị và đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật;

b) Trả cổ tức cho cổ đông theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 56. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 57. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Điều 58. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc hệ thống kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Chương XV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH
VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 59. Báo cáo tài chính hàng năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 60. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương XVI
KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 61. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và giao cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

4. Công ty phải tuân thủ các kế hoạch thanh tra, kiểm toán của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và phòng Tài chính - Kế toán, phòng Kiểm toán nội bộ của TCT TCSG.

Chương XVII DẤU CỦA CÔNG TY

Điều 62. Dấu của Công ty

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu chính thức, số lượng dấu của Công ty là 01 (một) dấu được khắc theo quy định của luật pháp; và hình thức, và nội dung, quản lý, sử dụng dấu của chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương XVIII ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC, CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT CỦA CÔNG TY

Điều 63. Đơn vị phụ thuộc và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết của Công ty

1. Công ty có các đơn vị phụ thuộc, các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết của Công ty.
2. Công ty có thể thành lập các Công ty con, đơn vị phụ thuộc ở trong nước và ở nước ngoài để hỗ trợ hoạt động kinh doanh của Công ty phù hợp với nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 64. Quan hệ giữa Công ty với các đơn vị phụ thuộc

1. Công ty có các đơn vị phụ thuộc do Hội đồng quản trị Công ty quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể, hoặc chấm dứt hoạt động, bao gồm: Văn phòng đại diện, Chi nhánh, và địa điểm kinh doanh; được tổ chức, quản lý theo quy định của pháp luật, hoạt động theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty.
2. Các đơn vị phụ thuộc không có vốn và tài sản riêng, toàn bộ vốn và tài sản của các đơn vị phụ thuộc thuộc sở hữu của Công ty. Các đơn vị phụ thuộc thực hiện các hoạt động kinh doanh, tài chính và tiến hành các hoạt động khác theo phân cấp hoặc ủy quyền của Công ty quy định trong Điều lệ này, quy chế của Công ty hoặc quy chế hoạt động riêng của đơn vị phụ thuộc do Giám đốc trình Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt. Công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của đơn vị phụ thuộc.
3. Văn phòng đại diện của Công ty được thành lập ở trong nước hoặc ở nước ngoài để thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại trong phạm vi quy định của pháp luật; có nhiệm vụ đại diện theo ủy quyền cho lợi ích của Công ty;

có trụ sở, được mở tài khoản, có dấu mang tên văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật; có Quy chế tổ chức và hoạt động theo quy định của Công ty.

4. Chi nhánh của Công ty được thành lập ở trong nước hoặc ở nước ngoài để thực hiện các hoạt động thương mại, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của Công ty, kể cả chức năng đại diện theo ủy quyền; có ngành, nghề kinh doanh phù hợp với ngành, nghề kinh doanh của Công ty; tổ chức hạch toán kinh doanh theo phân cấp của Công ty và theo quy định của pháp luật; có Quy chế tổ chức và hoạt động theo quy định của Công ty.

5. Địa điểm kinh doanh của Công ty là nơi tổ chức thực hiện hoạt động kinh doanh cụ thể theo phân cấp của Công ty. Địa điểm kinh doanh của Công ty có thể ở ngoài địa chỉ đăng ký trụ sở chính của Công ty. Cơ cấu tổ chức, tên gọi, chức năng, nhiệm vụ của địa điểm kinh doanh do Hội đồng quản trị Công ty quyết định căn cứ theo quy định của pháp luật.

Điều 65. Quan hệ giữa Công ty với Công ty con và Công ty liên doanh, liên kết

1. Quan hệ với Công ty con do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ:

a) Công ty là Chủ sở hữu Công ty con do Công ty đầu tư 100% vốn điều lệ. Hội đồng quản trị thay mặt Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với Công ty con theo thẩm quyền của mình hoặc được Đại hội đồng cổ đông Công ty chấp thuận;

b) Thực hiện quyền và trách nhiệm của Công ty đối với Công ty con theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ này và Điều lệ của Công ty con;

c) Đại hội đồng cổ đông và/hoặc Hội đồng quản trị của Công ty sẽ thực hiện các quyền sau đây phụ thuộc vào thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và/hoặc Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ này đối với Công ty con:

c1. Quyết định thành lập, vốn điều lệ khi thành lập, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; quyết định điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động, tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản Công ty con;

c2. Phê duyệt Điều lệ Công ty con khi thành lập; quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ; ban hành quy chế quản lý tài chính của Công ty con theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty con;

c3. Phê duyệt chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 (năm) năm và kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm của Công ty con. Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

c4. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương, tiền thưởng và các lợi ích khác của Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát của Công ty con;

c5. Quyết định hoặc phê duyệt thông qua:

c5a) Phương án huy động vốn đối với từng dự án có mức huy động từ 50% vốn chủ sở hữu trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty con tại thời điểm quyết định hoặc một tỉ lệ khác nhỏ hơn quy định tại điều lệ Công ty con;

c5b) Từng dự án đầu tư ra ngoài Công ty con, đầu tư xây dựng, mua tài sản cố định, hợp đồng thuê, cho thuê có giá trị từ 50% vốn chủ sở hữu trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty con tại thời điểm quyết định hoặc một tỉ lệ khác nhỏ hơn quy định tại điều lệ Công ty con;

c5c) Phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị còn lại từ 50% vốn chủ sở hữu được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty con tại thời điểm quyết định hoặc một tỉ lệ khác nhỏ hơn quy định tại điều lệ Công ty con.

c6. Quyết định chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ Công ty con cho tổ chức, cá nhân khác. Việc chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ của Công ty con;

c7. Phân cấp cho Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty con quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, quyết định lương, thưởng và lợi ích khác đối với Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý điều hành khác của Công ty con sau khi được chấp thuận;

c8. Phê duyệt báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hằng năm của Công ty con;

c9. Yêu cầu người đại diện theo pháp luật của Công ty con cung cấp báo cáo tài chính quý, năm, kế hoạch tài chính chi tiết năm tiếp theo và cung cấp các thông tin cần thiết để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của tổ hợp Công ty theo quy định pháp luật và Điều lệ này;

c10. Giám sát, kiểm tra, kiểm toán và đánh giá các hoạt động kinh doanh sản xuất, quản lý điều hành, chấp hành pháp luật theo quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ này và Điều lệ của Công ty con;

c11. Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của Công ty con sau khi Công ty con hoàn thành giải thể hoặc phá sản theo quy định pháp luật hiện hành;

c12. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm và quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ về thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty con;

d) Trách nhiệm của Công ty đối với công ty con:

d1. Đầu tư vốn đúng cam kết; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty con trong phạm vi số vốn điều lệ của Công ty

con; trường hợp không đầu tư đủ số vốn đã cam kết thì phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty con;

d2. Tuân thủ điều lệ Công ty con;

d3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa Công ty con và Công ty;

d4. Xác định và tách bạch tài sản của Công ty và tài sản của Công ty con.

d) Thực hiện các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ khác quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ này và Điều lệ của Công ty con.

2. Quan hệ với Công ty con mà Công ty nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông và các Công ty con khác:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc thành viên góp vốn theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ này và Điều lệ của Công ty đó;

b) Trực tiếp quản lý cổ phần, phần vốn góp thông qua một (hoặc nhiều) Người đại diện phần vốn của Công ty tại Công ty đó;

c) Hội đồng quản trị của Công ty sẽ thực hiện các quyền sau đây đối với Công ty con theo quy định tại Điều lệ này:

c1. Cử, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, quyết định phụ cấp và lợi ích của Người đại diện phần vốn;

c2. Kiểm tra, giám sát hoạt động của Người đại diện phần vốn nhằm ngăn chặn, xử lý kịp thời thiếu sót, yếu kém của Người đại diện phần vốn;

c3. Giao nhiệm vụ cho Người đại diện phần vốn bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty tại Công ty con;

c4. Yêu cầu Người đại diện phần vốn báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các nội dung khác của Công ty con theo quy chế quản lý Người đại diện phần vốn do Công ty ban hành;

c5. Giao nhiệm vụ và yêu cầu Người đại diện phần vốn xin ý kiến Công ty trước khi biểu quyết về các vấn đề sau của Công ty con: Vấn đề tổ chức, nhân sự quản lý, điều hành; cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; những vấn đề dẫn đến việc thay đổi tỉ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty con; các dự án đầu tư, định hướng phát triển, kế hoạch dài hạn, kế hoạch năm; huy động vốn, xử lý tài chính, chia cổ tức; việc sử dụng cổ phần, vốn góp để phục vụ định hướng phát triển, mục tiêu của Công ty con và các vấn đề khác theo quy chế quản lý Người đại diện phần vốn do Công ty ban hành;

c6. Thu cổ tức và chịu rủi ro từ vốn góp của Công ty tại Công ty con;

c7. Kiểm tra, giám sát việc sử dụng phần vốn của Công ty đã góp vào Công ty con theo thẩm quyền được pháp luật quy định;



c8. Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn đã góp vào Công ty con;

c9. Thông qua người đại diện phần vốn yêu cầu Công ty con cung cấp đầy đủ các báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết theo quy định để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của Công ty.

d) Thực hiện các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ khác quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ và quy chế của Công ty.

3. Quan hệ giữa Công ty với Công ty liên doanh, liên kết (sau đây gọi là doanh nghiệp):

a) Công ty liên doanh, liên kết là doanh nghiệp được tổ chức theo loại hình Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc các loại hình Công ty khác phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật nước sở tại mà Công ty sở hữu bằng hoặc dưới 50% vốn điều lệ/tổng số cổ phần phổ thông của doanh nghiệp đó. Các doanh nghiệp này được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của từng loại hình doanh nghiệp.

b) Công ty là chủ sở hữu phần vốn của Công ty tại các doanh nghiệp đó. Hội đồng quản trị Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với phần vốn Công ty đầu tư vào các doanh nghiệp này; thực hiện các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ tương ứng với nội dung quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Mọi quan hệ giữa Công ty với các Công ty con và các Công ty liên doanh, liên kết dựa trên nguyên tắc bình đẳng và độc lập giữa các pháp nhân. Mọi giao dịch, hợp đồng: mua, bán, thuê, cho thuê, vay mượn và chuyển giao tài sản giữa của Công ty với các Công ty con và Công ty liên doanh, liên kết được tiến hành trên cùng cơ sở như các pháp nhân khác theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ này và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

5. Hội đồng quản trị chỉ định một hay nhiều người đại diện của Công ty để thực hiện các quyền của Công ty với tư cách là chủ sở hữu đối với Công ty con do Công ty đầu tư 100% vốn và quyền của chủ sở hữu cổ phần, phần vốn góp do Công ty đầu tư tại các doanh nghiệp mà Công ty có cổ phần, phần vốn góp khác phù hợp với quy định pháp luật có liên quan, Điều lệ này và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty, Điều lệ các Công ty con và các Công ty liên doanh, liên kết.

Chương XIX **GIẢI THỂ CÔNG TY**

Điều 66. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Giải thể theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật quản lý thuế có quy định khác;

c) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 67. Thanh lý

1. Sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một (01) Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ tuân bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ điểm a đến điểm d trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

Điều 68. Phá sản

Việc phá sản doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản doanh nghiệp.

Chương XX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 69. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a) Cổ đông với Công ty; hoặc
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người quản lý, điều hành khác.

2. Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

3. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 45 (bốn mươi lăm) ngày từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

4. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc thực hiện theo quy định Điều 166 Luật Doanh nghiệp.

5. Mọi cổ đông có quyền khởi kiện đòi quyền lợi chính đáng của mình và đòi bồi thường thiệt hại do lỗi của bất cứ thành viên nào trong Công ty gây ra theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XXI BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 70. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ này

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định trừ trường hợp cập nhật vốn điều lệ sau khi kết thúc đợt phát hành tăng vốn theo giấy phép hoặc chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Chương XXII
NGÀY HIỆU LỰC

Điều 71. Ngày hiệu lực

1. Điều lệ này gồm 22 Chương, 71 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình nhất trí thông qua theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-DHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 20 tháng 04 năm 2022 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này kể từ ngày 20 tháng 04 năm 2022.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY /
GIÁM ĐỐC



Phan Anh Tuấn

SAO Y BẢN CHÍNH

Hòa, ngày 10 tháng 6 năm 2024



CHỦ TỊCH HĐQT
Phan Văn Tiến



BẢO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022



Wiederholung

2
4
7
11
17
25
35
47
61
77
95
115
137
161
187
215
245
277
311
347
385
425
467
511
557
605
655
707
761
817
875
935
1000

451-617 2 467-511

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo của kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán riêng (Mẫu số B 01 – DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Mẫu số B 02 – DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (Mẫu số B 03 – DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng (Mẫu số B 09 – DN)	9

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

**Giấy chứng nhận
đăng ký doanh nghiệp**

Số 3601033213 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 23 tháng 7 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 8 ngày 25 tháng 11 năm 2021.

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Triệu Phú
Ông Phan Anh Tuấn
Ông Phạm Văn Phòng
Ông Cao Ngọc Đức
Ông Nguyễn Đức Anh

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 20 tháng 4 năm 2022)

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Đức Khiêm
Ông Trần Nghĩa Sĩ
Ông Thái Hoàng Lam

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Phan Anh Tuấn
Ông Nguyễn Thành Nhân
Bà Đoàn Thị Hằng

Giám đốc
Phó Giám đốc
Phó Giám đốc

**Người đại diện
theo pháp luật**

Ông Phan Anh Tuấn

Giám đốc

Trụ sở chính

Số 10, Đường Phan Đăng Lưu, Khu phố 7, Phường Long Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với Báo cáo tài chính riêng

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính riêng của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính riêng. Ban Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Phê chuẩn Báo cáo Tài chính riêng

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 5 đến trang 45. Báo cáo tài chính riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Giám đốc



Phan Anh Tuấn
Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2023

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực 637..... Quyền số - SCT/BS

Ngày 06-06-2024

CÔNG CHỨNG VIÊN



TRẦN ĐÌNH KHƯƠNG



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2022, và được Ban Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 28 tháng 3 năm 2023. Báo cáo tài chính riêng này bao gồm: bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính riêng bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 45.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được một công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 2 tháng 3 năm 2022.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Lương Thị Anh Tuyết
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3048-2019-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Nguyễn Vũ Anh Tuấn
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3631-2021-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM13621
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2022 VND	2021 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		261.738.720.949	295.529.178.292
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	124.706.302.068	92.403.859.653
111	Tiền		97.706.302.068	47.403.859.653
112	Các khoản tương đương tiền		27.000.000.000	45.000.000.000
120	Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		1.440.260.000	45.538.000.000
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	1.440.260.000	45.538.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		127.277.117.129	156.585.699.473
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	127.098.720.265	94.506.604.085
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	-	59.274.055.903
136	Phải thu ngắn hạn khác	7(a)	7.403.591.843	4.109.565.452
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(7.225.194.979)	(1.304.525.967)
150	Tài sản ngắn hạn khác		8.315.041.752	1.001.619.166
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		927.386.452	1.001.619.166
152	Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	13(b)	7.387.655.300	-
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		1.269.053.457.377	1.082.522.229.519
210	Khoản phải thu dài hạn		2.165.400.000	2.225.400.000
216	Phải thu dài hạn khác	7(b)	2.165.400.000	2.225.400.000
220	Tài sản cố định		847.071.140.804	675.920.735.775
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	846.640.777.980	675.062.977.291
222	Nguyên giá		1.328.038.131.009	1.092.247.632.853
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(481.397.353.029)	(417.184.655.562)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	430.362.824	857.758.484
228	Nguyên giá		2.690.971.400	2.690.971.400
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.260.608.576)	(1.833.212.916)
240	Tài sản dở dang dài hạn		-	4.735.477.643
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	-	4.735.477.643
250	Đầu tư tài chính dài hạn		27.638.210.000	27.638.210.000
251	Đầu tư vào công ty con	4(b)	20.400.000.000	20.400.000.000
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(b)	7.238.210.000	7.238.210.000
260	Tài sản dài hạn khác		392.178.706.573	372.002.406.101
261	Chi phí trả trước dài hạn	9	391.942.589.887	371.759.622.592
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		236.116.686	242.783.509
270	TỔNG TÀI SẢN		1.530.792.178.326	1.378.051.407.811


Các thuyết minh từ 9 đến trang 45 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này


CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH


Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN RIÊNG
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2022 VND	2021 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		1.073.620.974.069	958.187.542.284
310	Nợ ngắn hạn		371.965.072.122	285.726.831.257
311	Phải trả người bán ngắn hạn	12	182.832.809.998	134.310.637.620
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	11.943.528
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13(a)	7.233.341.475	7.809.679.477
314	Phải trả người lao động	14	15.722.754.130	17.557.335.336
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	15	14.823.255.387	3.950.987.770
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16(a)	4.532.613.324	4.532.613.324
319	Phải trả ngắn hạn khác	17(a)	78.445.592.538	50.921.023.615
320	Vay ngắn hạn	19(a)	66.336.260.379	64.611.612.230
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	4.038.444.891	2.020.998.357
330	Nợ dài hạn		701.655.901.947	672.460.711.027
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	16(b)	159.249.185.731	163.347.106.472
337	Phải trả dài hạn khác	17(b)	268.901.533.625	286.021.429.660
338	Vay dài hạn	19(b)	273.505.182.591	223.092.174.895
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		457.171.204.257	419.863.865.527
410	Vốn chủ sở hữu		457.171.204.257	419.863.865.527
411	Vốn góp của chủ sở hữu	21, 22	245.022.450.000	245.022.450.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		245.022.450.000	245.022.450.000
418	Quỹ đầu tư phát triển	22	126.135.332.858	105.918.212.467
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	22	86.013.421.399	68.923.203.060
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		4.775.478.893	4.775.478.893
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		81.237.942.506	64.147.724.167
440	TỔNG NGUỒN VỐN		1.530.792.178.326	1.378.051.407.811


Phạm Thị Phương
Người lập


Lê Quỳnh Quang
Kế toán trưởng


Phan Anh Tuấn
Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2023



Các thuyết minh từ 9 đến trang 45 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2022 VND	2021 VND
01	Doanh thu cung cấp dịch vụ	559.327.089.651	513.863.150.177
10	Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	559.327.089.651	513.863.150.177
11	Giá vốn dịch vụ cung cấp	(377.989.638.268)	(362.447.037.528)
20	Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	181.337.451.383	151.416.112.649
21	Doanh thu hoạt động tài chính	8.809.611.563	4.985.808.382
22	Chi phí tài chính	(24.327.883.366)	(24.679.687.691)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(23.259.245.660)	(23.521.090.189)
25	Chi phí bán hàng	(3.920.844.553)	(3.752.381.480)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(51.539.228.600)	(40.535.962.280)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	110.359.106.427	87.433.889.580
31	Thu nhập khác	83.596.403	87.731.195
32	Chi phí khác	(393.146.243)	(1.154.901.531)
40	Lỗ khác	(309.549.840)	(1.067.170.336)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	110.049.556.587	86.366.719.244
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(23.164.469.898)	(16.986.264.998)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(6.666.823)	(6.666.823)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	86.878.419.866	69.373.787.423

Phạm Thị Phương
Người lập

Lê Quỳnh Quang
Kế toán trưởng

Phan Anh Tuấn
Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2023



Các thuyết minh từ 9 đến trang 45 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

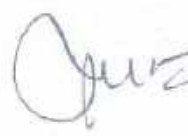
Mẫu số B 03 – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm		
		2022 VND	2021 VND	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	110.049.556.587	86.366.719.244	
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	10	64.738.790.957	58.690.987.330
03	Các khoản dự phòng	8	5.920.669.012	333.525.753
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	26, 27	(1.022.012.006)	85.048.602
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	26	(5.692.043.920)	(4.127.643.331)
06	Chi phí lãi vay	27	23.259.245.660	23.521.090.189
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		197.254.206.290	164.869.727.787
09	Giảm các khoản phải thu		16.315.150.608	10.875.481.459
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(23.240.008.040)	7.936.721.532
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(20.108.734.581)	23.162.048.169
14	Tiền lãi vay đã trả		(23.252.733.915)	(23.585.701.948)
15	Thuế TNDN đã nộp	13	(25.470.532.682)	(17.202.113.819)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		6.980.000	19.000.000
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	20	(10.558.072.102)	(6.024.164.749)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		110.946.255.578	160.050.998.431
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(145.911.368.540)	(66.414.183.201)
23	Tiền chi đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	(45.538.000.000)
24	Tiền thu đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		44.097.740.000	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia		5.749.405.031	4.192.994.549
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(96.064.223.509)	(107.759.188.652)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	Tiền thu từ đi vay	19(b)	117.034.749.705	12.394.902.266
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	19(a)	(64.897.093.860)	(66.404.105.449)
36	Tiền chi trả cổ tức cho các cổ đông	18	(36.005.863.230)	(35.887.518.280)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính		16.131.792.615	(89.896.721.463)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		31.013.824.684	(37.604.911.684)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		92.403.859.653	130.037.428.854
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.288.617.731	(28.657.517)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm		124.706.302.068	92.403.859.653

Các thông tin liên quan đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ được trình bày tại Thuyết minh 33.


Phạm Thị Phương
Người lập


Lê Quỳnh Quang
Kế toán trưởng




Phan Anh Tuấn
Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh từ 9 đến trang 45 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022****1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3601033213 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 23 tháng 7 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 8 ngày 25 tháng 11 năm 2021.

Cổ đông lớn nhất của Công ty là Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn. Chi tiết tỷ lệ phần trăm góp vốn được trình bày ở Thuyết minh 21.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch cổ phiếu là ILB từ ngày 15 tháng 5 năm 2019.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cho thuê kho, bãi, phương tiện vận tải và các dịch vụ đi kèm (bốc xếp, nâng hạ, vận chuyển,...).

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 1 công ty con như được trình bày trong Thuyết minh 4 - Đầu tư tài chính dài hạn. Chi tiết như sau:

Tên	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Tại ngày 31.12.2022 và ngày 31.12.2021	
			Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long	Thuê kho bãi, lưu trữ hàng hóa; vận tải, bốc xếp, đóng gói hàng hóa	Tỉnh Đồng Nai	51%	51%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 323 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 303 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng tại Việt Nam. Báo cáo tài chính riêng được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

Ngoài ra, Công ty cũng đã soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (gọi chung là "Nhóm công ty") theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, công ty con là công ty mà Nhóm công ty kiểm soát các chính sách hoạt động và tài chính, đã được hợp nhất đầy đủ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính riêng là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.6 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thu hồi.

2.7 Đầu tư tài chính**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng đến ngày đáo hạn.

(b) Đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết.

Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

Đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm kế toán.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.7 Đầu tư tài chính (tiếp theo)****(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm kế toán.

(d) Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối năm kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính tương tự như dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.8 Tài sản cố định ("TSCĐ")*TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình*

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 6 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Thiết bị quản lý	3 năm
Phần mềm	3 năm
TSCĐ khác	3 - 5 năm

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.8 Tài sản cố định (“TSCĐ”) (tiếp theo)

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước cho phần thuê cơ sở hạ tầng, sửa chữa tài sản cố định và các chi phí khác có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.10 Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“BCC”) là thỏa thuận giữa Công ty và các đối tác bằng hợp đồng để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên theo thỏa thuận của BCC/ kiểm soát bởi một trong số các bên. BCC có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản/ hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát/ chia lợi nhuận sau thuế. Các bên tham gia trong BCC thỏa thuận chia lợi nhuận sau thuế.

BCC chia LNST là BCC dưới hình thức hoạt động đồng kiểm soát hoặc do một bên kiểm soát.

Nếu BCC quy định các bên tham gia BCC được hưởng một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng, thì bản chất của hợp đồng là thuê tài sản.

Nếu BCC quy định các bên tham gia BCC được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi, và phải gánh chịu lỗ, thì bản chất của BCC là chia doanh thu, chi phí, các bên phải có quyền, điều kiện, khả năng để đồng kiểm soát hoạt động cũng như dòng tiền của BCC.

Nếu Công ty là bên kế toán và quyết toán thuế, Công ty sẽ ghi nhận toàn bộ doanh thu và chi phí liên quan đến BCC, sau đó phân bổ tỷ lệ doanh thu và chi phí cho các bên tham gia BCC trong kỳ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.11 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính chất thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thanh toán.

2.13 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trước khi tài sản hoàn thành và đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu phát sinh.

2.14 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.15 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

2.16 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước cho một hay nhiều kỳ kế toán chủ yếu bao gồm cho thuê kho. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

2.17 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh lãi sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.18 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính riêng của năm kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông được sử dụng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư khác.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.18 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)****(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST TNDT của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng. Quỹ được sử dụng để khen thưởng và chi trả phúc lợi cho nhân viên.

2.19 Ghi nhận doanh thu**(a) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(b) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng và khi Công ty xác định được khả năng chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai.

(c) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.20 Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.21 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí đi vay và lỗ tỷ giá hối đoái.

2.22 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

2.24 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm hay một năm khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương pháp công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính riêng và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán niên.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.25 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty trong cùng Tập đoàn là các bên liên quan. Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ yếu bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.26 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

2.27 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng bao gồm:

- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh 2.8 và Thuyết minh 10);
- Các khoản dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh 2.6 và Thuyết minh 8); và
- Chi phí tiền sử dụng đất (Thuyết minh 17(a))

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2022 VND	2021 VND
Tiền mặt	887.547.624	110.428.513
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	96.818.754.444	47.293.431.140
Các khoản tương đương tiền (*)	27.000.000.000	45.000.000.000
	<u>124.706.302.068</u>	<u>92.403.859.653</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, các khoản tương đương tiền thể hiện giá trị của các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 3%/năm đến 5%/năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 2.923.976,07 Đô la Mỹ và 35.271,19 Euro (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 1.501.861,73 Đô la Mỹ và 35.271,19 Euro).

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	2022		2021	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn	1.440.260.000	1.440.260.000	45.538.000.000	45.538.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất 3%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là từ 3%/năm đến 5%/năm).

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Mẫu số B 09 – DN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	2022			2021		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
i. Đầu tư vào công ty con						
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long (i)	20.400.000.000	(*)	-	20.400.000.000	(*)	-
ii. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Ngân hàng TMCP Quân đội (ii)	5.238.210.000	16.434.724.500	-	5.238.210.000	23.146.245.700	-
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long (iii)	2.000.000.000	(*)	-	2.000.000.000	(*)	-
	<u>27.638.210.000</u>		<u>-</u>	<u>27.638.210.000</u>		<u>-</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3602427771, ngày 24 tháng 12 năm 2010, thay đổi lần thứ hai ngày 20 tháng 5 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long có vốn điều lệ là 40.000.000.000 Đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long 20.400.000.000 VND, sở hữu 2.040.000 cổ phần tương ứng 51% vốn điều lệ.

(ii) Đây là khoản ủy thác cho Công ty mẹ cao nhất là Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn đầu tư vào Ngân hàng TMCP Quân Đội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty sở hữu 961.095 cổ phiếu, chiếm 0,014% vốn điều lệ và quyền biểu quyết của Ngân hàng TMCP Quân đội với giá trị ghi sổ là 5.238.210.000 Đồng. Giá cổ phiếu thực tế trên thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này.

(iii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đã đầu tư 2.000.000.000 Đồng, sở hữu 200.000 cổ phần, chiếm 8% vốn điều lệ và quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long.

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2022 VND	2021 VND
Bên thứ ba		
Công ty TNHH Tiến Nga	19.083.339.626	18.134.131.697
Công ty Cổ phần Tân Vĩnh Cửu	12.096.197.045	12.531.665.817
Khác	91.991.571.161	63.313.486.844
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	3.927.612.433	527.319.727
	<u>127.098.720.265</u>	<u>94.506.604.085</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có số dư phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn với số tiền lần lượt là 20.608.765.226 Đồng và 1.579.755.600 Đồng, Công ty đã trích lập dự phòng ngắn hạn phải thu khó đòi với số tiền lần lượt là 7.225.194.979 Đồng và 1.304.525.967 Đồng. Ngoài ra, không có khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng khác quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi (Thuyết minh 8).

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2022 VND	2021 VND
Công ty Cổ phần Xây dựng T.cons	-	56.957.242.153
Khác	-	2.316.813.750
	<u>-</u>	<u>59.274.055.903</u>

7 PHẢI THU KHÁC**(a) Ngắn hạn**

	2022 VND	2021 VND
Bên thứ ba		
Chi hộ	4.616.461.489	1.237.630.185
Tạm ứng	2.120.769.936	1.470.599.095
Ký quỹ, ký cược	133.100.000	133.100.000
Lãi dự thu	-	57.361.111
Khác	510.897.094	1.210.875.061
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	22.363.324	-
	<u>7.403.591.843</u>	<u>4.109.565.452</u>

7 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

(b) Dài hạn

	2022 VND	2021 VND
Bên thứ ba	900.000.000	960.000.000
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	1.265.400.000	1.265.400.000
	<u>2.165.400.000</u>	<u>2.225.400.000</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có khoản phải thu khác nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

8 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	2022			Thời gian quá hạn
	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
Công ty Cổ phần Tiên Nga	19.083.339.626	13.383.570.247	(5.699.769.379)	Từ 6 tháng - 3 năm
Công ty TNHH JLL Express Việt Nam	917.432.110	-	(917.432.110)	Trên 3 năm
Công ty TNHH Con đường Vận chuyển	607.993.490	-	(607.993.490)	Trên 3 năm
	<u>20.608.765.226</u>	<u>13.383.570.247</u>	<u>(7.225.194.979)</u>	
	2021			Thời gian quá hạn
	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
Công ty TNHH JLL Express Việt Nam	917.432.110	275.229.633	(642.202.477)	Từ 2 -3 năm
Công ty TNHH Con đường Vận chuyển	607.993.490	-	(607.993.490)	Trên 3 năm
Khác	54.330.000	-	(54.330.000)	Trên 3 năm
	<u>1.579.755.600</u>	<u>275.229.633</u>	<u>(1.304.525.967)</u>	

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2022 VND	2021 VND
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng (*)	327.785.589.463	302.760.416.199
Chi phí sửa chữa TSCĐ	63.285.876.487	67.732.571.620
Chi phí phần mềm	36.535.306	134.057.679
Khác	834.588.631	1.132.577.094
	<u>391.942.589.887</u>	<u>371.759.622.592</u>

(*) Đây là tiền thuê cơ sở hạ tầng tại Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, trả trước cho Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn theo các hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng như sau:

Hợp đồng	Ngày hợp đồng	Mục đích thuê	Thời hạn	Thời gian còn phân bổ
02/HĐ-ICDLB	24/9/2009	Đầu tư, khai thác các hoạt động sản xuất kinh doanh	49 năm	36 năm
359/HĐ-KHKD	1/1/2017	Đầu tư, khai thác dịch vụ kho bãi	46 năm	41 năm
243/HĐ-TC-KHKD	10/8/2010	Đầu tư, khai thác các hoạt động sản xuất kinh doanh	49 năm	37 năm
348/HĐ-KHKD	1/2/2020	Kinh doanh kho bãi, dịch vụ logistics	40 năm	37 năm
287/TCT-KHKD	1/9/2018	Kinh doanh kho bãi, dịch vụ logistics	45 năm	41 năm
181/TCT-KHKD	1/1/2015	Kinh doanh kho bãi, dịch vụ logistics	44 năm	37 năm
256/TCT-KHKD	6/1/2015	Kinh doanh kho bãi, dịch vụ logistics	43 năm	36 năm

Biến động về chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	371.759.622.592	375.702.990.276
Tăng	51.476.438.716	2.583.156.137
Phân bổ trong năm	(31.293.471.421)	(25.575.168.107)
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	19.048.644.286
Số dư cuối năm	<u>391.942.589.887</u>	<u>371.759.622.592</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Mẫu số B 09 – DN

10 TÀI SẢN CỔ ĐỊNH (“TSCĐ”)

(a) TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	997.129.266.099	4.628.148.028	82.002.733.794	3.497.360.113	4.990.124.819	1.092.247.632.853
Mua trong năm	203.596.895	245.834.545	3.476.252.125	96.400.000	-	4.022.083.565
Xây dựng cơ bản mới hoàn thành (Thuyết minh 11)	226.725.992.789	5.094.856.190	-	699.011.000	-	232.519.859.979
Khác	(751.445.388)	-	-	-	-	(751.445.388)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	1.223.307.410.395	9.968.838.763	85.478.985.919	4.292.771.113	4.990.124.819	1.328.038.131.009
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	338.996.908.569	2.880.400.702	68.831.580.897	2.993.791.422	3.481.973.972	417.184.655.562
Khấu hao trong năm	55.578.090.470	2.651.589.798	4.921.792.260	446.093.349	713.829.420	64.311.395.297
Khác	(98.697.830)	-	-	-	-	(98.697.830)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	394.476.301.209	5.531.990.500	73.753.373.157	3.439.884.771	4.195.803.392	481.397.353.029
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	658.132.357.530	1.747.747.326	13.171.152.897	503.568.691	1.508.150.847	675.062.977.291
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	828.831.109.186	4.436.848.263	11.725.612.762	852.886.342	794.321.427	846.640.777.980

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 56.627.438.796 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 569 tỷ Đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, TSCĐ hữu hình của Công ty với tổng giá trị còn lại là 720 tỷ Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 569 tỷ Đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 19).

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Mẫu số B 09 – DN

10 TSCĐ (tiếp theo)

(b) TSCĐ vô hình

**Phần mềm
VND**

Nguyên giá

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2022

2.690.971.400

Khấu hao lũy kế

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022

1.833.212.916

Khấu hao trong năm

427.395.660

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

2.260.608.576

Giá trị còn lại

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022

857.758.484

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

430.362.824

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 1.408.784.400 Đồng.

11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

**2022
VND**

**2021
VND**

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang theo dự án như sau:

Dự án đầu tư kho 24&25 Khu dịch vụ

Long Bình

-

2.052.370.544

Mua sắm TSCĐ

-

2.683.107.099

-

4.735.477.643

11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG (tiếp theo)

Biến động về chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	4.735.477.643	20.101.850.936
Mua sắm	227.172.803.578	7.140.127.298
Chi phí lãi vay vốn hóa trong năm	611.578.758	-
Chuyển sang TSCĐ (Thuyết minh 10)	(232.519.859.979)	(3.311.756.305)
Kết chuyển chi phí trả trước	-	(19.194.744.286)
Số dư cuối năm	-	4.735.477.643

12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2022		2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba				
Công ty Cổ phần				
Xây dựng T.cons	15.970.010.146	15.970.010.146	-	-
Khác	33.828.287.147	33.828.287.147	30.779.956.340	30.779.956.340
Bên liên quan				
(Thuyết minh 34(b))	133.034.512.705	133.034.512.705	103.530.681.280	103.530.681.280
	<u>182.832.809.998</u>	<u>182.832.809.998</u>	<u>134.310.637.620</u>	<u>134.310.637.620</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Mẫu số B 09 – DN

13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU/NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải thu/nộp Nhà nước như sau:

	Tại ngày 1.1.2022 VND	Số phải thu/ phải nộp trong năm VND	Cán trừ VND	Số đã thực nộp/thu trong năm VND	Tại ngày 31.12.2022 VND
(a) Phải nộp					
Thuế TNDN (*)	5.626.452.718	26.530.870.563	-	(25.470.532.682)	6.686.790.599
Thuế thu nhập cá nhân	196.922.476	2.549.412.856	-	(2.199.784.456)	546.550.876
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.986.304.283	50.724.187.497	(37.818.517.818)	(14.891.973.962)	-
Khác	-	3.000.000	-	(3.000.000)	-
	<u>7.809.679.477</u>	<u>79.807.470.916</u>	<u>(37.818.517.818)</u>	<u>(42.565.291.100)</u>	<u>7.233.341.475</u>
(b) Phải thu					
Thuế GTGT được khấu trừ	-	45.206.173.118	(37.818.517.818)	-	7.387.655.300

(*) Thuế TNDN – hiện hành phải nộp trong năm bao gồm thuế TNDN Công ty tạm tính phải nộp và số thuế TNDN liên quan đến Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình, chi tiết như sau:

Thuế TNDN – Công ty tạm tính phải nộp	23.164.469.898
Thuế TNDN – Hợp đồng hợp tác kinh doanh	3.366.400.665
	<u>26.530.870.563</u>

14 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 thể hiện tiền lương và các khoản thưởng phải trả cho cán bộ công nhân viên.

15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2022 VND	2021 VND
Chi phí xây dựng	8.384.413.909	-
Chi phí vận chuyển, bốc xếp, nâng hạ	1.174.900.037	1.034.261.600
Lãi vay	363.545.357	357.033.612
Khác	4.900.396.084	2.559.692.558
	<u>14.823.255.387</u>	<u>3.950.987.770</u>

16 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**(a) Ngắn hạn**

	2022 VND	2021 VND
Bên thứ ba		
Công ty TNHH Dịch vụ Giao nhận Vận tải và Thương mại Công Thành	1.999.581.396	1.999.581.396
Công ty Cổ phần Tiếp vận Long Bình	451.592.431	451.592.431
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	2.081.439.497	2.081.439.497
	<u>4.532.613.324</u>	<u>4.532.613.324</u>

(b) Dài hạn

	2022 VND	2021 VND
Bên thứ ba		
Công ty TNHH Dịch vụ Giao nhận Vận tải và Thương mại Công Thành	70.123.296.944	72.122.967.092
Công ty Cổ phần Tiếp vận Long Bình	15.531.075.558	15.982.667.994
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	73.594.813.229	75.241.471.386
	<u>159.249.185.731</u>	<u>163.347.106.472</u>

17 PHẢI TRẢ KHÁC**(a) Ngắn hạn**

	2022 VND	2021 VND
Nhận ký quỹ, ký cược (**)	27.246.424.013	12.934.820.922
Phải trả liên quan đến BCC - Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình (iii)	12.795.282.656	10.673.419.828
Cổ tức phải trả (Thuyết minh 18)	4.085.558.885	3.338.054.615
Khác	3.406.260.712	5.322.223.672
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b)) (*)	28.912.066.272	18.652.504.578
	<u>76.445.592.538</u>	<u>50.921.023.615</u>

(*) Đây là khoản phải trả Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn ("Công ty mẹ cao nhất") liên quan đến tiền sử dụng đất của hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng. Tiền sử dụng đất của năm 2022 được ghi nhận dựa vào Tờ trình số 1053/ICDLB-TTr ngày 31 tháng 12 năm 2022. Theo đó, tiền sử dụng đất trong năm 2022 của Công ty được ước tính tăng 15% so với đơn giá thuê đất năm 2018 theo hướng dẫn của Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

(b) Dài hạn

	2022 VND	2021 VND
Nhận ký quỹ, ký cược (**)	35.475.587.500	57.525.683.535
Đặt cọc thực hiện BCC		
Công ty Cổ phần Tân Vĩnh Cửu (i)	113.825.746.125	113.825.746.125
Công ty Cổ phần Tiên Nga (ii)	23.200.000.000	23.200.000.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình (iii)	91.470.000.000	91.470.000.000
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	4.930.200.000	-
	<u>268.901.533.625</u>	<u>286.021.429.660</u>

17 PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)

(b) Dài hạn (tiếp theo)

(**) Đây là các khoản nhận ký quỹ, ký cược liên quan đến việc Công ty cho khách hàng thuê dịch vụ trong kho.

(i) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 05/HĐ-ICDLB-TAVICO ký ngày 25 tháng 10 năm 2017 giữa Công ty (Bên A) và Công ty Cổ phần Tân Vĩnh Cửu (Bên B) về việc hợp tác đầu tư xây dựng hệ thống kho, sân bãi, nhà xưởng, trung tâm phân phối trên diện tích 38,012 ha Khu dịch vụ Tân Cảng Long Bình, Bên A góp bằng quyền khai thác cơ sở hạ tầng và Bên B góp bằng giá trị xây dựng. Bên B chịu trách nhiệm đại diện quản lý hợp doanh và trả lợi nhuận cố định cho Bên A, không phụ thuộc vào kết quả hoạt động thực tế của hợp doanh. Thời gian hợp tác từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2062. Bên B có nghĩa vụ đặt cọc cho Bên A 113.825.746.125 Đồng để đảm bảo thực hiện hợp đồng. Từ năm 2031, tiền đặt cọc này sẽ được căn trừ dần vào lợi nhuận hàng năm phải trả cho Bên A.

(ii) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐ-ICD-TN ký ngày 15 tháng 9 năm 2017 giữa Công ty (Bên A) và Công ty Cổ phần Tiến Nga (Bên B) về việc hợp tác đầu tư xây dựng hệ thống kho, bãi, trung tâm phân phối hàng hóa trên diện tích 20,37 ha Khu dịch vụ Tân Cảng Long Bình, Bên A góp bằng quyền khai thác cơ sở hạ tầng và Bên B góp bằng hệ thống nhà kho, công trình phụ trợ. Bên B chịu trách nhiệm đại diện quản lý hợp doanh và trả lợi nhuận cố định cho Bên A, không phụ thuộc vào kết quả hoạt động thực tế của hợp doanh. Thời gian hợp tác là 42 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Bên B có nghĩa vụ đặt cọc cho Bên A 23.200.000.000 Đồng để đảm bảo thực hiện hợp đồng. Tiền đặt cọc này sẽ được căn trừ dần vào lợi nhuận hàng năm phải trả cho Bên A.

(iii) Công ty và Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh dài hạn, trong đó, Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình góp tỷ lệ 49% và được chia lợi nhuận sau thuế tùy thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ góp vốn, chi tiết như sau:

Hợp đồng	Mục đích hợp tác	Thời hạn	Số tiền góp (VND)
HĐ số 485/HĐ-ICDLB-SZB ngày 21 tháng 09 năm 2013	Đầu tư xây dựng kho 1A tại khu kinh tế quốc phòng Tân Cảng Long Bình	45 năm kể từ ngày ký hợp đồng	24.990.000.000
Phụ lục 01 HĐ số 485/HĐ-ICDLB-SZB/PL1 ngày 08 tháng 05 năm 2014	Xây dựng thêm kho 14A tại khu kinh tế quốc phòng Tân Cảng Long Bình	Theo thời gian của hợp đồng số 485/HĐ-ICDLB-SZB	27.139.000.000
Phụ lục 02 HĐ số 485/HĐ-ICDLB-SZB/PL2 ngày 15 tháng 06 năm 2015	Xây dựng thêm kho 20 tại khu kinh tế quốc phòng Tân Cảng Long Bình	Theo thời gian của hợp đồng số 485/HĐ-ICDLB-SZB và Phụ lục 01	39.341.000.000
			91.470.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Mẫu số B 09 – DN

18 CỔ TỨC PHẢI TRẢ

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	3.338.054.615	2.472.305.395
Cổ tức phải trả trong năm (Thuyết minh 22)	36.753.367.500	36.753.367.500
Cổ tức đã chi trả bằng tiền	(36.005.863.230)	(35.887.618.280)
Số dư cuối năm	<u>4.085.558.885</u>	<u>3.338.054.615</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Mẫu số B 09 – DN

19 VAY

(a) Vay dài hạn đến hạn trả

	Tại ngày 1.1.2022 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 31.12.2022 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh An Phú (i)	34.810.287.318	27.942.751.043	(35.095.768.948)	27.657.269.413
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa (ii)	15.000.000.000	12.730.146.263	(15.000.000.000)	12.730.146.263
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (iii)	14.801.324.912	19.791.867.973	(14.801.324.912)	19.791.867.973
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (iv)	-	6.156.976.730	-	6.156.976.730
	64.611.612.230	66.621.742.009	(64.897.093.860)	66.336.260.379

(b) Vay dài hạn

	Tại ngày 1.1.2022 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 31.12.2022 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh An Phú (i)	101.897.147.506	-	(27.942.751.043)	73.954.396.463
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa (ii)	44.921.264.068	-	(12.730.146.263)	32.191.117.805
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (iii)	76.273.763.321	56.937.942.392	(19.791.867.973)	113.419.837.740
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (iv)	-	60.096.807.313	(6.156.976.730)	53.939.830.583
	223.092.174.895	117.034.749.705	(66.621.742.009)	273.505.182.591

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Mẫu số B 09 – DN

19 VAY (tiếp theo)

(b) Vay dài hạn

- (i) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh An Phú theo các hợp đồng vay ký kết trong các năm từ 2014 đến 2019. Mục đích vay để đầu tư xây dựng hệ thống kho bãi và cơ sở hạ tầng; thanh toán tiền thuê đất cho Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân cảng Sài Gòn; mua sắm máy móc thiết bị, phương tiện vận tải. Thời hạn vay từ 60 đến 96 tháng, tùy theo từng hợp đồng. Lãi suất áp dụng trong năm 2022 là từ 6,9% đến 8,9%/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay và các quyền khai thác cơ sở hạ tầng (Thuyết minh 10).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa theo các hợp đồng vay ký kết trong các năm 2013, 2014, 2016. Mục đích vay để đầu tư xây dựng hệ thống nhà kho, thời hạn vay từ 120 tháng đến 144 tháng, lãi suất quy định trên từng khế ước nhận nợ. Lãi suất áp dụng trong năm 2022 là 7,5%/năm. Các khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (Thuyết minh 10).
- (iii) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh theo các hợp đồng tín dụng số 40925/19MN/HĐTD ngày 5 tháng 11 năm 2019 và hợp đồng tín dụng số 13987/20MN/HĐTD ngày 20 tháng 7 năm 2020. Mục đích vay để đầu tư xây dựng nhà kho, thời hạn vay 96 tháng, lãi suất áp dụng trong kỳ của hai hợp đồng vay lần lượt là 9%/năm và 9,5%/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay và các quyền khai thác cơ sở hạ tầng (Thuyết minh 10).
- (iv) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo các hợp đồng tín dụng số 3019476562/2022-HĐCVDABT/NHCT680-ICD Long Bình ngày 25 tháng 3 năm 2022. Mục đích vay để đầu tư xây dựng nhà kho, thời hạn vay 96 tháng, lãi suất áp dụng trong kỳ của hai hợp đồng vay là 8,6%/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay (Thuyết minh 10).

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Mẫu số B 09 – DN

20 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	2.020.998.357	1.620.804.794
Trích lập trong năm (Thuyết minh 22)	12.817.713.636	6.405.358.312
Sử dụng quỹ	(10.558.072.102)	(6.024.164.749)
Thu tiền khen thưởng	6.980.000	19.000.000
Khác	(249.175.000)	-
Số dư cuối năm	4.038.444.891	2.020.998.357

21 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	2022		2021	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đăng ký	24.502.245	-	24.502.245	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	24.502.245	-	24.502.245	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.502.245	-	24.502.245	-

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2022		2021	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	12.575.000	51	12.575.000	51
Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Quân đội	1.875.000	8	1.875.000	8
Cổ đông khác	10.052.245	41	10.052.245	41
	24.502.245	100	24.502.245	100

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH**Mẫu số B 09 – DN****21 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)****(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần**

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	24.502.245	245.022.450.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	24.502.245	245.022.450.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	24.502.245	245.022.450.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Mẫu số B 09 – DN

22 TÍNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	245.022.450.000	91.016.283.335	57.610.070.581	393.648.803.916
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	69.373.787.423	69.373.787.423
Chia cổ tức (Thuyết minh 18)	-	-	(36.753.367.500)	(36.753.367.500)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	(6.405.358.312)	(6.405.358.312)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	14.901.929.132	(14.901.929.132)	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	245.022.450.000	105.918.212.467	68.923.203.060	419.863.865.527
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	86.878.419.866	86.878.419.866
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20) (*)	-	-	(12.817.713.636)	(12.817.713.636)
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	20.217.120.391	(20.217.120.391)	-
Chia cổ tức (Thuyết minh 18) (*)	-	-	(36.753.367.500)	(36.753.367.500)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	245.022.450.000	126.135.332.858	86.013.421.399	457.171.204.257

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 02/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022, Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt việc phân phối lợi nhuận của năm 2021 như sau:

- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi: 12.403.299.532 Đồng, trong đó đã tạm trích trong năm 2021: 5.226.063.256 Đồng;
- Trích lập quỹ đầu tư và phát triển: 20.217.120.391 Đồng; và
- Chia cổ tức: 36.753.367.500 Đồng.

Đồng thời, Công ty cũng đã tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khen thưởng ban điều hành theo kế hoạch phân phối lợi nhuận của năm 2022: 5.640.477.360 Đồng theo Tờ trình số 1148/TT-HC ngày 30 tháng 12 năm 2022.

23 KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ như trình bày tại Thuyết minh 3.

24 DOANH THU THUẦN CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2022 VND	2021 VND
Doanh thu thuần về cho thuê dịch vụ trong kho, bãi và các dịch vụ đi kèm	501.802.939.035	460.533.679.409
Doanh thu thuần về BCC	50.315.540.133	45.956.045.772
Doanh thu thuần dịch vụ cho thuê cần cầu tại cảng Cát Lái	7.208.610.483	7.373.424.996
	<u>559.327.089.651</u>	<u>513.863.150.177</u>

25 GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2022 VND	2021 VND
Giá vốn về cho thuê dịch vụ trong kho, bãi cùng các dịch vụ đi kèm và BCC	375.165.324.144	359.727.192.432
Giá vốn của dịch vụ cho thuê cần cầu tại cảng Cát Lái	2.824.314.124	2.719.845.096
	<u>377.989.638.268</u>	<u>362.447.037.528</u>

26 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2022 VND	2021 VND
Cổ tức được chia (Thuyết minh 34(a))	3.380.000.000	3.320.000.000
Lãi tiền gửi	2.312.043.920	861.602.781
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.095.555.637	804.205.601
Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	1.022.012.006	-
	<u>8.809.611.563</u>	<u>4.985.808.382</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Mẫu số B 09 – DN

27 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2022 VND	2021 VND
Lãi tiền vay	23.259.245.660	23.521.090.189
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.068.637.706	875.834.406
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	-	85.048.602
Khác	-	197.714.494
	<u>24.327.883.366</u>	<u>24.679.687.691</u>

28 CHI PHÍ BÁN HÀNG

Các khoản chủ yếu trong chi phí bán hàng bao gồm:

	2022 VND	2021 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.151.716.004	1.312.050.955
Chi phí hoa hồng, môi giới	1.709.128.549	1.792.490.213
Chi phí hội nghị, quảng cáo	60.000.000	446.839.545
Khác	-	201.000.767
	<u>3.920.844.553</u>	<u>3.752.381.480</u>

29 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Các khoản chủ yếu trong chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	19.657.311.015	21.047.526.676
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	5.920.669.012	333.525.753
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.298.267.996	2.087.183.142
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.728.499.597	2.624.442.216
Chi phí vật liệu quản lý	2.033.653.000	972.867.987
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.543.638.274	1.839.700.480
Thuế, phí và lệ phí	9.292.000	3.000.000
Khác	16.347.897.706	11.627.716.026
	<u>51.539.228.600</u>	<u>40.535.962.280</u>

30 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	110.049.556.587	86.366.719.244
Thuế tính ở thuế suất 20%	22.009.911.317	17.273.343.849
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(676.000.000)	(664.000.000)
Chi phí không được khấu trừ	1.837.225.404	292.220.699
Dự phòng thiếu của kỳ trước	-	91.367.273
Chi phí thuế TNDN (*)	23.171.136.721	16.992.931.821
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:		
Thuế TNDN - hiện hành	23.164.469.898	16.986.264.998
Thuế TNDN - hoãn lại	6.666.823	6.666.823
	23.171.136.721	16.992.931.821

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 được tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

31 CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm từ hoạt động kinh doanh của Công ty. Chi tiết được trình bày như sau:

	2022 VND	2021 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	288.654.159.934	249.168.947.110
Chi phí nhân viên	65.485.512.874	72.791.172.606
Chi phí khấu hao TSCĐ	64.738.790.957	58.690.987.330
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.442.020.173	3.248.312.785
Chi phí khác	11.129.227.483	22.835.961.457
	433.449.711.421	406.735.381.288

32 BÁO CÁO BỘ PHẬN*Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý*

Công ty thực hiện toàn bộ hoạt động kinh doanh cung cấp dịch vụ cho thuê kho, bãi, phương tiện vận tải và các dịch vụ đi kèm chỉ trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh cho thuê dịch vụ trong kho, phương tiện vận tải và các dịch vụ đi kèm là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng không trọng yếu trong tổng doanh thu của Công ty. Do vậy, Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất.

33 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ ("BCLCTT")**Giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến BCLCTT**

	2022 VND	2021 VND
Mua sắm, xây dựng TSCĐ nhưng chưa thanh toán	26.566.623.226	557.160.526

34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn ("Công ty mẹ cao nhất") do Công ty mẹ cao nhất nắm giữ 51% vốn điều lệ của Công ty.

Trong năm, Công ty có giao dịch và số dư với các bên liên quan sau đây:

Tên	Mối quan hệ
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Công ty mẹ cao nhất
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Cảng quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng STC	Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu	Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long	Công ty thành viên trong cùng Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng	Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Tân Cảng Tây Ninh	Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm gồm:

	2022	2021
	VND	VND
1) Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	48.380.416.569	18.327.018.874
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long	6.054.975.676	988.958.454
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long	1.206.716.810	828.748.167
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	39.555.906	20.951.742
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần	21.759.259	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	15.637.692	1.431.599
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân cảng	-	1.085.088
	55.719.061.912	20.168.193.924

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Mẫu số B 09 – DN

34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2022	2021
	VND	VND
ii) Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	53.172.411.006	21.578.356.055
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long	34.068.320.000	37.225.170.000
Công ty Cổ phần Vận tải bộ Tân Cảng	10.134.144.000	3.394.828.800
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long	7.087.052.151	5.397.143.937
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	4.366.291.096	3.127.648.720
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	1.152.857.970	1.398.653.555
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	810.094.000	274.400.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu	745.466.307	545.930.000
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng STC	218.942.719	-
Công ty TNHH Cảng quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	172.486.367	62.363.638
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	54.348.369	-
Công ty TNHH Tân Cảng Tây Ninh	15.212.963	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng	122.989.737	43.546.574
	<u>112.120.616.685</u>	<u>73.048.041.279</u>

iii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt

Lương và các quyền lợi gộp khác	<u>3.516.894.515</u>	<u>3.347.752.820</u>
Trong đó:		
Trần Triệu Phú - Chủ tịch HĐQT	839.600.000	855.280.000
Phan Anh Tuấn - Thành viên HĐQT	668.032.750	691.776.450
Đoàn Thị Hằng - Phó Giám đốc	583.866.572	580.097.200
Nguyễn Thành Nhân - Phó Giám đốc	526.900.000	187.448.457
Lê Quỳnh Quang - Kế toán trưởng	445.852.693	428.768.113
Nguyễn Đức Khiêm - Trưởng Ban kiểm soát	302.642.500	466.382.600
Phạm Văn Phòng - Thành viên HĐQT	42.000.000	52.000.000
Cao Ngọc Đức - Thành viên HĐQT	42.000.000	52.000.000
Nguyễn Đức Anh - Thành viên HĐQT	42.000.000	-
Trần Nghĩa Sĩ - Thành viên Ban kiểm soát	12.000.000	17.000.000
Thái Hoàng Lam - Thành viên Ban kiểm soát	12.000.000	17.000.000

iv) Nhận cổ tức

Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long	3.060.000.000	3.060.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long	320.000.000	260.000.000
	<u>3.380.000.000</u>	<u>3.320.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Mẫu số B 09 – DN

34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2022 VND	2021 VND
v) Chia cổ tức		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	18.862.500.000	18.862.500.000
b) Số dư cuối năm với các bên liên quan		
	2022 VND	2021 VND
i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)		
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long	3.835.337.665	456.315.750
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long	61.967.453	61.926.100
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần	23.500.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	6.807.315	3.476.110
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	-	5.601.767
	<u>3.927.612.433</u>	<u>527.319.727</u>
ii) Phải thu khác		
Ngắn hạn (Thuyết minh 7(a))		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	<u>22.363.324</u>	-
Dài hạn (Thuyết minh 7(b))		
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	<u>1.265.400.000</u>	<u>1.265.400.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Mẫu số B 09 – DN

34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)


	2022 VND	2021 VND
iii) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 12)		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	120.353.869.765	87.679.222.833
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long	7.481.188.000	10.060.908.000
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	1.839.467.520	2.848.368.591
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long	1.717.720.511	1.483.535.317
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	852.835.940	920.848.296
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	188.162.131	329.979.743
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	168.724.000	22.300.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu	204.031.000	57.848.500
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng STC	117.243.838	121.718.000
Công ty TNHH Cảng quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	60.650.000	5.952.000
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	34.190.000	-
Công ty TNHH Tân Cảng Tây Ninh	16.430.000	-
	<u>133.034.512.705</u>	<u>103.530.681.280</u>
iv) Phải trả khác		
Ngắn hạn (Thuyết minh 17(a))		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	28.912.066.272	18.652.504.578
	<u>28.912.066.272</u>	<u>18.652.504.578</u>
Dài hạn (Thuyết minh 17(b))		
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long	4.930.200.000	-
	<u>4.930.200.000</u>	<u>-</u>
v) Doanh thu chưa thực hiện		
Ngắn hạn (Thuyết minh 16(a))		
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long	936.067.596	936.067.596
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long	1.145.371.901	1.145.371.901
	<u>2.081.439.497</u>	<u>2.081.439.497</u>
Dài hạn (Thuyết minh 16(b))		
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long	33.682.499.186	34.183.785.435
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long	39.912.314.043	41.057.685.951
	<u>73.594.813.229</u>	<u>75.241.471.386</u>


35 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

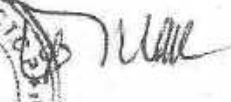
Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	2022 VND	2021 VND
Dưới 1 năm	5.106.470.400	5.058.316.800
Từ 1 đến 5 năm	13.617.254.400	18.968.688.000
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	18.723.724.800	24.027.004.800

Báo cáo tài chính riêng đã được Ban Giám đốc phê chuẩn ngày 28 tháng 3 năm 2023.


Phạm Thị Phương
Người lập


Lê Quỳnh Quang
Kế toán trưởng


Phan Anh Tuấn
Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 – DN/HN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 – DN/HN)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 – DN/HN)	9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 – DN/HN)	10

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 3601033213 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 23 tháng 7 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 8 ngày 25 tháng 11 năm 2021.

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Triệu Phú	Chủ tịch
Ông Phan Anh Tuấn	Thành viên
Ông Phạm Văn Phòng	Thành viên
Ông Cao Ngọc Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Anh	Thành viên

(từ ngày 20 tháng 4 năm 2022)

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Đức Khiêm	Trưởng ban
Ông Trần Nghĩa Sĩ	Thành viên
Ông Thái Hoàng Lam	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Phan Anh Tuấn	Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Nhân	Phó Giám đốc
Bà Đoàn Thị Hằng	Phó Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật	Ông Phan Anh Tuấn	Giám đốc
--------------------------------------	-------------------	----------

Trụ sở chính

Số 10 Đường Phan Đăng Lưu, Khu phố 7
Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai,
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng – Long Bình ("Công ty mẹ") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty mẹ và công ty con (gọi chung là "Nhóm công ty") tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Nhóm công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Nhóm công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất này. Ban Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Nhóm công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 49. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc



Phan Anh Tuấn
Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2023

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực 6 32 Quyển số 01 - SCT/BS

Ngày 06 -06- 2024



TRẦN ĐÌNH KHƯƠNG



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình ("Công ty mẹ") và Công ty con (gọi chung là "Nhóm công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2022, và được Ban Giám đốc của Công ty phê chuẩn Ngày 28 tháng 3 năm 2023. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 49.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty mẹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được một công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 2 tháng 3 năm 2022.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Lương Thị Anh Tuyết
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3048-2019-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán
: HCM13622
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Nguyễn Vũ Anh Tuấn
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3631-2021-006-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2022 VND	2021 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		277.157.489.922	317.065.093.696
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	135.858.000.075	101.381.643.136
111	Tiền		108.858.000.075	53.881.643.136
112	Các khoản tương đương tiền		27.000.000.000	47.500.000.000
120	Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		1.440.260.000	53.038.000.000
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	1.440.260.000	53.038.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		131.363.141.014	161.608.574.118
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	131.318.149.676	99.292.026.225
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	-	59.274.055.903
136	Phải thu ngắn hạn khác	7(a)	7.403.591.843	4.480.423.483
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(7.358.600.505)	(1.437.931.493)
150	Tài sản ngắn hạn khác		8.496.088.833	1.036.876.442
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		1.108.433.533	1.036.876.442
152	Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	13(a)	7.387.655.300	-

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 49 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2022 VND	2021 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		1.283.614.979.558	1.101.213.634.598
210	Khoản phải thu dài hạn		2.165.400.000	2.225.400.000
216	Phải thu dài hạn khác	7(b)	2.165.400.000	2.225.400.000
220	Tài sản cố định		882.297.022.909	714.989.791.604
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	881.866.660.085	714.132.033.120
222	Nguyên giá		1.405.066.623.499	1.169.276.125.343
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(523.199.963.414)	(455.144.092.223)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	430.362.824	857.758.484
228	Nguyên giá		2.872.771.400	2.872.771.400
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.442.408.576)	(2.015.012.916)
240	Tài sản dở dang dài hạn		-	4.735.477.643
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	-	4.735.477.643
250	Đầu tư tài chính dài hạn		7.238.210.000	7.238.210.000
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(b)	7.238.210.000	7.238.210.000
260	Tài sản dài hạn khác		391.914.346.649	372.024.755.351
261	Chi phí trả trước dài hạn	9	391.678.229.963	371.781.971.842
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		236.116.686	242.783.509
270	TỔNG TÀI SẢN		1.560.772.469.480	1.418.278.728.294


Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 49 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

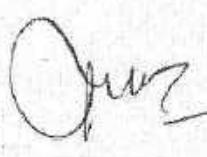
CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH


Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2022 VND	2021 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		1.045.948.659.358	946.066.620.239
310	Nợ ngắn hạn		372.855.256.597	292.989.694.647
311	Phải trả người bán ngắn hạn	12	181.484.563.229	133.208.187.341
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	11.943.528
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13(b)	8.768.261.804	8.522.347.690
314	Phải trả người lao động	14	16.804.263.370	18.726.765.463
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	15	14.823.255.387	3.972.092.091
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16(a)	3.596.545.728	3.596.545.728
319	Phải trả ngắn hạn khác	17(a)	76.453.827.968	52.242.527.756
320	Vay ngắn hạn	18(a)	66.336.260.379	70.211.612.230
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	4.588.278.732	2.497.672.820
330	Nợ dài hạn		673.093.402.761	653.076.925.592
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	16(b)	125.566.686.545	129.163.321.037
337	Phải trả dài hạn khác	17(b)	269.021.533.625	286.021.429.660
338	Vay dài hạn	18(b)	278.505.182.591	237.892.174.895
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		514.823.810.122	472.212.108.055
410	Vốn chủ sở hữu		514.823.810.122	472.212.108.055
411	Vốn góp của chủ sở hữu	20, 21	245.022.450.000	245.022.450.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		245.022.450.000	245.022.450.000
418	Quỹ đầu tư phát triển	21	130.743.772.580	109.466.339.211
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	21	101.331.364.027	82.076.680.005
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		9.318.329.882	15.581.359.648
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		92.013.034.145	66.495.320.357
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	22	37.726.223.515	35.646.638.839
440	TỔNG NGUỒN VỐN		1.560.772.469.480	1.418.278.728.294


Phạm Thị Phương
Người lập


Lê Quỳnh Quang
Kế toán trưởng


Phan Anh Tuấn
Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2023



Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 49 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Mẫu số B 02 – DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2022 VND	2021 VND
01	Doanh thu cung cấp dịch vụ	582.987.385.530	529.893.731.578
10	Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	582.987.385.530	529.893.731.578
11	Giá vốn dịch vụ cung cấp	(380.785.826.360)	(362.441.173.973)
20	Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	202.201.559.170	167.452.557.605
21	Doanh thu hoạt động tài chính	5.935.121.471	2.557.375.674
22	Chi phí tài chính	(25.133.651.469)	(26.541.845.225)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(24.065.013.763)	(25.383.247.723)
25	Chi phí bán hàng	(3.980.844.553)	(3.833.224.798)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(55.575.760.731)	(42.871.842.160)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	123.446.423.888	96.763.021.096
31	Thu nhập khác	83.596.403	88.364.757
32	Chi phí khác	(456.323.897)	(1.203.306.530)
40	Lỗ khác	(372.727.494)	(1.114.941.773)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	123.073.696.394	95.648.079.323
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(26.393.933.390)	(18.724.495.292)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(6.666.823)	(6.666.823)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	96.673.096.181	76.916.917.208
Phân bổ cho:			
61	Chủ sở hữu của công ty mẹ	90.374.304.787	71.721.383.613
62	Cổ đông không kiểm soát	6.298.791.394	5.195.533.595
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.242	2.389
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.242	2.389


Phạm Thị Phương
Người lập


Lê Quỳnh Quang
Kế toán trưởng


Phan Anh Tuấn
Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2023



Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 49 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Mẫu số B 03 – DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	123.073.696.394	95.648.079.323
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	68.581.964.681	62.549.640.973
03	Các khoản dự phòng	5.920.669.012	333.525.753
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(1.022.012.006)	85.048.602
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(2.817.553.828)	(1.692.240.670)
06	Chi phí lãi vay	24.065.013.763	25.383.247.723
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	217.801.778.016	182.307.301.704
09	Giảm các khoản phải thu	16.464.821.653	8.989.807.417
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	(23.388.363.156)	10.969.045.661
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	(19.987.815.212)	23.199.260.883
14	Tiền lãi vay đã trả	(24.075.492.703)	(25.455.521.948)
15	Thuế TNDN đã nộp	(27.936.842.400)	(19.416.038.536)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6.980.000	19.000.000
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(11.545.225.702)	(7.557.943.449)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	127.359.840.396	173.054.911.732
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(145.911.368.540)	(66.478.346.837)
23	Tiền chi đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	(53.038.000.000)
24	Tiền thu hồi đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	51.597.740.000	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức được chia	3.215.082.061	1.480.822.026
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(91.098.546.479)	(118.035.524.811)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	117.034.749.705	12.394.902.266
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(80.297.093.860)	(75.604.105.449)
36	Tiền chi trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu	(39.580.666.005)	(37.627.518.280)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	(2.843.010.160)	(100.836.721.463)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	33.418.283.757	(45.817.334.542)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101.381.643.136	147.227.635.195
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	1.058.073.182	(28.657.517)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	101.381.643.136	101.381.643.136

Phạm Thị Phương
Người lập

Lê Quỳnh Quang
Kế toán trưởng

Phan Anh Tuấn
Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 49 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NHÓM CÔNG TY

Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình ("Công ty mẹ") là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3601033213 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 23 tháng 7 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 8 ngày 25 tháng 11 năm 2021.

Cổ đông lớn nhất của Công ty mẹ là Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn. Chi tiết tỷ lệ phần trăm góp vốn được trình bày ở Thuyết minh 20.

Cổ phiếu của Công ty mẹ được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch cổ phiếu là ILB từ ngày 15 tháng 5 năm 2019.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty mẹ và con là cho thuê kho, bãi, phương tiện vận tải và các dịch vụ đi kèm (bốc xếp, nâng hạ, vận chuyển,...).

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm công ty là trong vòng 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Nhóm công ty có 1 công ty con như sau:

Tên	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Tại ngày 31.12.2022 và ngày 31.12.2021	
			Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết năm giữ
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long	Thuê kho bãi, lưu trữ hàng hóa; vận tải, bốc xếp, đóng gói hàng hóa	Tỉnh Đồng Nai	51%	51%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Nhóm công ty có 346 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 326 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Nhóm công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Nhóm công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính****Công ty con**

Công ty con là doanh nghiệp mà Nhóm công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Nhóm công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Nhóm công ty. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Nhóm công ty sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của giá phí tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Nhóm công ty được loại trừ khi hợp nhất.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Nhóm công ty áp dụng.

Báo cáo tài chính của các công ty trong Nhóm công ty sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một kỳ kế toán. Nếu ngày kết thúc kỳ kế toán khác nhau, thời gian chênh lệch không vượt quá 3 tháng. Báo cáo tài chính sử dụng để hợp nhất phải được điều chỉnh cho ảnh hưởng của những giao dịch và sự kiện quan trọng xảy ra giữa ngày kết thúc kỳ kế toán của các công ty và ngày kết thúc kỳ kế toán của Nhóm công ty. Độ dài của kỳ báo cáo và sự khác nhau về thời điểm lập báo cáo tài chính phải được thống nhất qua các năm.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Nhóm công ty áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Nhóm công ty.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Nhóm công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Nhóm công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chỉ hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào LNST chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Nhóm công ty trong công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Nhóm công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chỉ hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Phần sở hữu còn lại trong công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thu hồi.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.8 Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Nhóm công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày đáo hạn.

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm kế toán.

(c) Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối năm kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.9 Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“BCC”)**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“BCC”) là thỏa thuận giữa Nhóm công ty và các đối tác bằng hợp đồng để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. BCC có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản/ hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát/chia lợi nhuận sau thuế. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và năm tài chính kết thúc cùng ngày, các bên tham gia trong BCC thỏa thuận chia lợi nhuận sau thuế.

BCC chia LNST là BCC dưới hình thức hoạt động đồng kiểm soát hoặc do một bên kiểm soát.

Nếu BCC quy định các bên tham gia BCC được hưởng một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng, thì bản chất của hợp đồng là thuê tài sản.

Nếu BCC quy định các bên tham gia BCC được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi, và phải gánh chịu lỗ, thì bản chất của BCC là chia doanh thu, chi phí, các bên phải có quyền, điều kiện, khả năng để đồng kiểm soát hoạt động cũng như dòng tiền của BCC.

Nếu Nhóm công ty là bên kế toán và quyết toán thuế, Nhóm Công ty sẽ ghi nhận toàn bộ doanh thu và chi phí liên quan đến BCC, sau đó phân bổ tỷ lệ doanh thu và chi phí cho các bên tham gia BCC trong kỳ.

2.10 Tài sản cố định (“TSCĐ”)*TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình*

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 6 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Thiết bị quản lý	3 năm
Phần mềm	3 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 - 5 năm

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.10 Tài sản cố định (“TSCĐ”) (tiếp theo)***Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.11 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước cho phần thuê cơ sở hạ tầng, sửa chữa tài sản cố định và các chi phí khác có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.13 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính chất thương mại và không liên quan đến giao dịch cung cấp dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.14 Vay**

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ ngân hàng.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trước khi tài sản hoàn thành và đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Nhóm công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

2.15 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa và dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm báo cáo.

2.16 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Nhóm công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải trả phải lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng phải trả đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

2.17 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước cho một hay nhiều năm kế toán chủ yếu là doanh thu chưa thực hiện từ việc cho thuê dịch vụ trong kho. Nhóm công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Nhóm công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.18 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh lãi sau thuế TNDN của Nhóm công ty tại thời điểm báo cáo.

2.19 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Nhóm công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất của năm kế toán mà được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông của Nhóm công ty.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Nhóm công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm công ty trích lập các quỹ sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Nhóm công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư khác.

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST TNDT của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Quỹ được sử dụng để khen thưởng và chi trả phúc lợi cho nhân viên.

2.20 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.20 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(b) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng và khi Nhóm công ty xác định được khả năng chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai.

(c) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Nhóm công ty được xác lập quyền nhận cổ tức, lợi nhuận được chia từ các đơn vị đầu tư.

2.21 Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.22 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ, chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay và lỗ tỷ giá hối đoái.

2.23 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ.

2.24 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Nhóm công ty.

2.25 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.25 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại (tiếp theo)**

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương pháp công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.26 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Nhóm công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Nhóm công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và các công ty trong cùng Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn là các bên liên quan. Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Nhóm công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

2.28 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.28 Ước tính kế toán trọng yếu (tiếp theo)**

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh 10 và Thuyết minh 2.10);
- Các khoản dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh 8 và Thuyết minh 2.7); và
- Chi phí tiền sử dụng đất (Thuyết minh 17(a))

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty và được Ban Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2022 VND	2021 VND
Tiền mặt	1.382.029.366	447.111.026
Tiền gửi ngân hàng	107.475.970.709	53.434.532.110
Các khoản tương đương tiền (*)	27.000.000.000	47.500.000.000
	<u>135.858.000.075</u>	<u>101.381.643.136</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, các khoản tương đương tiền thể hiện giá trị của các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 3%/năm đến 5%/năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 2.923.976,07 Đô la Mỹ và 35.271,19 Euro (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 1.501.861,73 Đô la Mỹ và 35.271,19 Euro).

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn**

	2022		2021	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn	<u>1.440.260.000</u>	<u>1.440.260.000</u>	<u>53.038.000.000</u>	<u>53.038.000.000</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc không quá 12 tháng và trên 3 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất 3%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là từ 3%/năm đến 5%/năm).

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Mẫu số B 09 – DN/HN

4 ĐÀU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	2022			2021		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Ngân hàng TMCP Quân đội (i)	5.238.210.000	16.434.724.500	-	5.238.210.000	23.146.245.700	-
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long (ii)	2.000.000.000	(*)	-	2.000.000.000	(*)	-
	<u>7.238.210.000</u>			<u>7.238.210.000</u>		

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Nhóm công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(i) Đây là khoản ủy thác cho Công ty mẹ cao nhất là Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn đầu tư vào Ngân hàng TMCP Quân Đội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Nhóm công ty sở hữu 961.095 cổ phiếu, chiếm 0,014% vốn điều lệ và quyền biểu quyết của Ngân hàng TMCP Quân đội với giá trị ghi sổ là 5.238.210.000 Đồng. Giá cổ phiếu thực tế trên thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Nhóm Công ty đã đầu tư 2.000.000.000 Đồng, sở hữu 200.000 cổ phần, chiếm 8% vốn điều lệ và quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long.

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2022 VND	2021 VND
Bên thứ ba		
Công ty TNHH Tiến Nga	19.083.339.626	18.134.131.697
Công ty Cổ phần Tân Vĩnh Cửu	12.096.197.045	12.531.665.817
Các khách hàng khác	96.272.968.025	68.160.835.084
Bên liên quan (Thuyết minh 35(b))	3.865.644.980	465.393.627
	<u>131.318.149.676</u>	<u>99.292.026.225</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có số dư phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn với số tiền lần lượt là 20.742.170.752 Đồng và 1.713.161.126 Đồng, và Công ty đã trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi với số tiền lần lượt là 7.358.600.505 Đồng và 1.437.931.493 Đồng. Ngoài ra, không có khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng khác quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi như trình bày tại Thuyết minh 8.

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2022 VND	2021 VND
Công ty Cổ phần Xây dựng T.Cons	-	56.957.242.153
Khác	-	2.316.813.750
	<u>-</u>	<u>59.274.055.903</u>

7 PHẢI THU KHÁC**(a) Ngắn hạn**

	2022		2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng	2.120.769.936	-	1.498.999.095	-
Ký quỹ, ký cược	133.100.000	-	133.100.000	-
Chi hộ	4.616.461.489	-	1.237.630.185	-
Lãi dự thu	-	-	397.528.233	-
Khác	533.260.418	-	1.213.165.970	-
	<u>7.403.591.843</u>	<u>-</u>	<u>4.480.423.483</u>	<u>-</u>

7 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)**(b) Dài hạn**

	2022		2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký quỹ, ký cược				
Bên liên quan				
(Thuyết minh 35(b))	1.265.400.000	-	1.265.400.000	-
Bên thứ ba	900.000.000	-	960.000.000	-
	<u>2.165.400.000</u>	<u>-</u>	<u>2.225.400.000</u>	<u>-</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và 31 tháng 12 năm 2021, Nhóm công ty không có khoản phải thu khác nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

8 NỢ KHÓ ĐÒI

	2022			
	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
Công ty Cổ phần Tiên Nga	19.083.339.626	13.383.570.247	(5.699.769.379)	Từ 6 tháng - 3 năm
Công ty TNHH JLL Express Việt Nam	917.432.110	-	(917.432.110)	Trên 3 năm
Công ty TNHH Con đường Vận chuyển	607.993.490	-	(607.993.490)	Trên 3 năm
Công ty TNHH Thái Bình Long	133.405.526	-	(133.405.526)	Trên 3 năm
	<u>20.742.170.752</u>	<u>13.383.570.247</u>	<u>(7.358.600.505)</u>	
	2021			
	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
Công ty TNHH JLL Express Việt Nam	917.432.110	275.229.633	(642.202.477)	Từ 2 -3 năm
Công ty TNHH Con đường Vận chuyển	607.993.490	-	(607.993.490)	Trên 3 năm
Công ty TNHH Thái Bình Long	133.405.526	-	(133.405.526)	Trên 3 năm
Khác	54.330.000	-	(54.330.000)	Trên 3 năm
	<u>1.713.161.126</u>	<u>275.229.633</u>	<u>(1.437.931.493)</u>	

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2022 VND	2021 VND
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng (*)	327.785.589.463	302.760.416.199
Chi phí sửa chữa TSCĐ	63.442.075.671	67.732.571.620
Chi phí phần mềm	36.535.306	134.057.679
Khác	414.029.523	1.154.926.344
	<u>391.678.229.963</u>	<u>371.781.971.842</u>

(*) Đây là tiền thuê cơ sở hạ tầng tại Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, trả trước cho Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn theo các hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng như sau:

Hợp đồng	Ngày hợp đồng	Mục đích thuê	Thời hạn thuê	Thời gian phân bổ còn lại
02/HĐ-ICDLB	24/9/2009	Đầu tư, khai thác các hoạt động sản xuất kinh doanh	49 năm	36 năm
359/HĐ-KHKD	1/1/2017	Đầu tư, khai thác dịch vụ kho bãi	46 năm	41 năm
243/HĐ-TC-KHKD	10/8/2010	Đầu tư, khai thác các hoạt động sản xuất kinh doanh	49 năm	37 năm
348/HĐ-KHKD	2/1/2020	Kinh doanh kho bãi, dịch vụ logistics	40 năm	37 năm
287/TCT-KHKD	1/9/2018	Kinh doanh kho bãi, dịch vụ logistics	45 năm	41 năm
181/TCT-KHKD	1/1/2015	Kinh doanh kho bãi, dịch vụ logistics	44 năm	37 năm
256/TCT-KHKD	6/1/2015	Kinh doanh kho bãi, dịch vụ logistics	43 năm	36 năm

Biến động về chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	371.781.971.842	375.702.990.276
Tăng	51.657.831.316	2.583.156.137
Phân bổ trong năm	(31.761.573.195)	(25.552.818.857)
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	19.048.644.286
Số dư cuối năm	<u>391.678.229.963</u>	<u>371.781.971.842</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Mẫu số B 09 – DN/HI

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH ("TSCĐ")

(a) TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	1.073.228.338.332	4.628.148.028	82.588.188.339	3.831.325.825	4.990.124.819	1.169.276.125.343
Mua trong năm	203.596.895	245.834.545	3.476.252.125	96.400.000	-	4.022.083.565
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở đang (Thuyết minh 11)	226.725.992.789	5.094.856.190	-	699.011.000	-	232.519.859.979
Khác	(751.445.388)	-	-	-	-	(751.445.388)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	1.299.405.482.628	9.968.838.763	86.074.440.464	4.626.736.825	4.990.124.819	1.405.066.623.499
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	376.085.741.640	2.880.400.702	69.427.035.442	3.268.940.467	3.481.973.972	455.144.092.223
Khấu hao trong năm	59.399.876.311	2.651.589.798	4.921.792.260	467.481.232	713.829.420	68.154.569.021
Khác	(98.697.830)	-	-	-	-	(98.697.830)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	435.386.920.121	5.531.990.500	74.348.827.702	3.736.421.699	4.195.803.392	523.199.963.414
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	697.142.596.692	1.747.747.326	13.171.152.897	562.385.358	1.508.150.847	714.132.033.121
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	864.019.562.507	4.436.848.263	11.725.612.762	890.315.126	794.321.427	881.866.660.081

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Nhóm công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 57.492.695.417 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 49.979.891.364 Đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, TSCĐ hữu hình của Nhóm công ty với tổng giá trị còn lại là 720 tỷ Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 569 tỷ Đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ ngân hàng (Thuyết minh 18).

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Mẫu số B 09 – DN/HN

10 TSCĐ (tiếp theo)

(b) TSCĐ vô hình

**Phần mềm
VND**

Nguyên giá

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 và 31 tháng 12 năm 2022

2.872.771.400

Khấu hao lũy kế

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022

2.015.012.916

Khấu hao trong năm

427.395.660

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

2.442.408.576

Giá trị còn lại

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022

857.758.484

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

430.362.824

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Nhóm công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.590.584.400 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 1.408.784.400 Đồng).

11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

**2022
VND**

**2021
VND**

Chi tiết chi phí xây dựng xây dựng cơ bản
dờ dang theo từng dự án như sau:

Mua sắm TSCĐ

-

2.683.107.099

Dự án đầu tư kho 24&25 - khu Dịch vụ
Long Bình

-

2.052.370.544

-

4.735.477.643

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Mẫu số B 09 – DN/HN

11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG (tiếp theo)

Biến động về chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	4.735.477.643	20.101.850.936
Mua sắm	227.172.803.578	7.140.127.298
Chi phí lãi vay vốn hóa trong năm	611.578.758	-
Chuyển sang TSCĐ (Thuyết minh 10)	(232.519.859.979)	(3.311.756.305)
Chuyển sang chi phí trả trước	-	(19.194.744.286)
Số dư cuối năm	-	4.735.477.643

12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2022		2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba				
Công ty Cổ phần Xây dựng T.Cons	15.970.010.146	15.970.010.146	-	-
Khác	34.192.591.311	34.192.591.311	31.151.791.378	31.151.791.378
Bên liên quan (Thuyết minh 35(b))	131.321.961.772	131.321.961.772	102.056.395.963	102.056.395.963
	181.484.563.229	181.484.563.229	133.208.187.341	133.208.187.341

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Mẫu số B 09 – DN/HN

13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải thu/nộp Nhà nước như sau:

	Tại ngày 1.1.2022 VND	Số phải thu/nộp trong năm VND	Cần trừ VND	Số đã thực thu/nộp trong năm VND	Tại ngày 31.12.2022 VND
(a) Phải thu					
Thuế GTGT được khấu trừ	-	45.694.944.972	(38.307.289.672)	-	7.387.655.300
(b) Phải nộp					
Thuế GTGT	2.556.315.452	53.644.520.843	(38.307.289.672)	(17.295.937.112)	597.609.511
Thuế TNDN (*)	5.769.109.762	29.760.334.055	-	(27.936.842.400)	7.592.601.417
Thuế thu nhập cá nhân	196.922.476	2.675.632.955	-	(2.294.504.555)	578.050.876
Khác	-	6.000.000	-	(6.000.000)	-
	8.522.347.690	86.086.487.853	(38.307.289.672)	(47.533.284.067)	8.768.261.804

(*) Thuế TNDN phải nộp trong năm bao gồm thuế TNDN Nhóm công ty tạm tính phải nộp cho hoạt động kinh doanh chính và số thuế TNDN liên quan đến BCC với Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình, chi tiết như sau:

Thuế TNDN – Công ty tạm tính phải nộp	26.393.933.390
Thuế TNDN – BCC	3.366.400.665
	29.760.334.055

14 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 thể hiện khoản tiền lương và các khoản tiền thưởng phải trả cho cán bộ công nhân viên.

15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2022 VND	2021 VND
Chi phí xây dựng	8.384.413.909	-
Chi phí bốc xếp, vận chuyển	1.174.900.037	1.357.683.131
Lãi vay	363.545.357	374.024.297
Khác	4.900.396.084	2.240.384.663
	<u>14.823.255.387</u>	<u>3.972.092.091</u>

16 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**(a) Ngắn hạn**

	2022 VND	2021 VND
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Tiếp vận Long Bình	451.592.431	451.592.431
Công ty TNHH Dịch vụ Giao nhận Vận tải và Thương mại Công Thành	1.999.581.396	1.999.581.396
Bên liên quan (Thuyết minh 35(b))	1.145.371.901	1.145.371.901
	<u>3.596.545.728</u>	<u>3.596.545.728</u>

(b) Dài hạn

	2022 VND	2021 VND
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Tiếp vận Long Bình	15.531.075.558	15.982.667.994
Công ty TNHH Dịch vụ Giao nhận Vận tải và Thương mại Công Thành	70.123.296.944	72.122.967.092
Bên liên quan (Thuyết minh 35(b))	39.912.314.043	41.057.685.951
	<u>125.566.686.545</u>	<u>129.163.321.037</u>

17 PHẢI TRẢ KHÁC**(a) Ngắn hạn**

	2022 VND	2021 VND
Phải trả BCC - Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	12.795.282.656	10.673.419.828
Cổ tức (*)	4.085.558.885	4.538.054.615
Nhận ký quỹ, ký cược (**)	27.246.424.013	12.934.820.922
Khác	3.414.496.142	5.443.727.813
Bên liên quan (Thuyết minh 35(b)) (***)	28.912.066.272	18.652.504.578
	<u>76.453.827.968</u>	<u>52.242.527.756</u>

(*) Biến động về cổ tức phải trả trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	4.538.054.615	2.472.205.395
Cổ tức phải trả trong năm (Thuyết minh 21)	39.693.367.500	39.693.367.500
Cổ tức đã chi trả bằng tiền	(39.580.666.005)	(37.627.518.280)
Khác	(565.197.225)	-
Số dư cuối năm	<u>4.085.558.885</u>	<u>4.538.054.615</u>

(***) Đây là khoản phải trả Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn ("Công ty mẹ cao nhất") liên quan đến tiền sử dụng đất của hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng. Tiền sử dụng đất của năm 2022 được ghi nhận dựa vào Tờ trình số 1053/ICDLB-TTr ngày 31 tháng 12 năm 2022. Theo đó, tiền sử đất trong năm 2022 của Nhóm Công ty được ước tính tăng 15% so với đơn giá thuê đất năm 2018 theo hướng dẫn của Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

(b) Dài hạn

	2022 VND	2021 VND
Nhận ký quỹ, ký cược (**)	35.595.587.500	57.525.683.535
Đặt cọc BCC		
Công ty Cổ phần Tân Vinh Cửu (i)	113.825.746.125	113.825.746.125
Công ty Cổ phần Tiên Nga (ii)	23.200.000.000	23.200.000.000
Công ty Cổ phần Sonadezi (iii)	91.470.000.000	91.470.000.000
Bên liên quan (Thuyết minh 35(b))	4.930.200.000	-
	<u>269.021.533.625</u>	<u>286.021.429.660</u>

17 PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)**(b) Dài hạn (tiếp theo)**

(**) Đây là các khoản nhận ký quỹ, ký cược liên quan đến việc Nhóm công ty cho khách hàng thuê dịch vụ trong kho.

- (i) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 05/HĐ-ICDLB-TAVICO ký ngày 25 tháng 10 năm 2017 giữa Nhóm công ty (Bên A) và Công ty Cổ phần Tân Vĩnh Cửu (Bên B) về việc hợp tác đầu tư xây dựng hệ thống kho, sân bãi, nhà xưởng, trung tâm phân phối trên diện tích 38,012 ha Khu dịch vụ Tân Cảng Long Bình, Bên A góp bằng quyền khai thác cơ sở hạ tầng và Bên B góp bằng giá trị xây dựng. Bên B chịu trách nhiệm đại diện quản lý hợp doanh và trả lợi nhuận cố định cho Bên A, không phụ thuộc vào kết quả hoạt động thực tế của hợp doanh. Thời gian hợp tác từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2062. Bên B có nghĩa vụ đặt cọc cho Bên A 113.825.746.125 Đồng để đảm bảo thực hiện hợp đồng. Từ năm 2031, tiền đặt cọc này sẽ được căn trừ dần vào lợi nhuận hàng năm phải trả cho Bên A.
- (ii) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐ-ICD-TN ký ngày 15 tháng 9 năm 2017 giữa Nhóm công ty (Bên A) và Công ty Cổ phần Tiến Nga (Bên B) về việc hợp tác đầu tư xây dựng hệ thống kho, bãi, trung tâm phân phối hàng hóa trên diện tích 20,37 ha Khu dịch vụ Tân Cảng Long Bình, Bên A góp bằng quyền khai thác cơ sở hạ tầng và Bên B góp bằng hệ thống nhà kho, công trình phụ trợ. Bên B chịu trách nhiệm đại diện quản lý hợp doanh và trả lợi nhuận cố định cho Bên A, không phụ thuộc vào kết quả hoạt động thực tế của hợp doanh. Thời gian hợp tác là 42 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Bên B có nghĩa vụ đặt cọc cho Bên A 23.200.000.000 Đồng để đảm bảo thực hiện hợp đồng. Tiền đặt cọc này sẽ được căn trừ dần vào lợi nhuận hàng năm phải trả cho Bên A.
- (iii) Nhóm công ty và Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình đã ký hợp đồng BCC dài hạn, trong đó, Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình góp tỷ lệ 49% và được chia lợi nhuận sau thuế tùy thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ góp vốn, chi tiết như sau:

Hợp đồng	Mục đích hợp tác	Thời hạn	Số tiền góp (VND)
HĐ số 485/HĐ-ICDLB-SZB ngày 21 tháng 9 năm 2013	Đầu tư xây dựng kho 1A tại khu kinh tế quốc phòng Tân Cảng Long Bình	45 năm kể từ ngày ký hợp đồng	24.990.000.000
Phụ lục 01 HĐ số 485/HĐ-ICDLB-SZB/PL1 ngày 8 tháng 5 năm 2014	Xây dựng thêm kho 14A tại khu kinh tế quốc phòng Tân Cảng Long Bình	Theo thời gian của hợp đồng số 485/HĐ-ICDLB-SZB	27.139.000.000
Phụ lục 02 HĐ số 485/HĐ-ICDLB-SZB/PL2 ngày 15 tháng 6 năm 2015	Xây dựng thêm kho 20 tại khu kinh tế quốc phòng Tân Cảng Long Bình	Theo thời gian 45 năm của hợp đồng số 485/HĐ-ICDLB-SZB và Phụ lục 01	39.341.000.000
			91.470.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Mẫu số B 09 – DN/HN

18 VAY

(a) Ngắn hạn

	Tại ngày 1.1.2022 VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ dài hạn đến hạn trả VND	Tại ngày 31.12.2022 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh An Phú (i)	34.810.287.318	-	(35.095.768.948)	27.942.751.043	27.657.269.413
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa (ii)	20.600.000.000	-	(20.600.000.000)	12.730.146.263	12.730.146.263
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (iii)	14.801.324.912	-	(14.801.324.912)	19.791.867.973	19.791.867.973
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (iv)	-	-	-	6.156.976.730	6.156.976.730
	<u>70.211.612.230</u>	<u>-</u>	<u>(70.497.093.860)</u>	<u>66.621.742.009</u>	<u>66.336.260.379</u>

(b) Dài hạn

	Tại ngày 1.1.2022 VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ dài hạn đến hạn trả VND	Tại ngày 31.12.2022 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh An Phú (i)	101.897.147.506	-	-	(27.942.751.043)	73.954.396.463
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa (ii)	59.721.264.068	-	(9.800.000.000)	(12.730.146.263)	37.191.117.805
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (iii)	76.273.763.321	56.937.942.392 60.096.807.313	-	(19.791.867.973) (6.156.976.730)	113.419.837.740 53.939.630.583
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (iv)	<u>237.892.174.895</u>	<u>117.034.749.705</u>	<u>(9.800.000.000)</u>	<u>(66.621.742.009)</u>	<u>278.505.182.591</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Mẫu số B 09 – DN/HN

18 VAY (tiếp theo)

(b) Dài hạn (tiếp theo)

- (i) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh An Phú theo các hợp đồng vay từ 2014 đến 2019. Mục đích vay để đầu tư xây dựng hệ thống kho bãi và cơ sở hạ tầng; thanh toán tiền thuế cơ sở hạ tầng cho Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn; mua sắm máy móc thiết bị, phương tiện vận tải. Thời hạn vay từ 60 đến 96 tháng, tùy theo từng hợp đồng. Lãi suất áp dụng trong năm 2022 là từ 6,9% đến 8,8%/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay và các quyền khai thác cơ sở hạ tầng (Thuyết minh 10).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa theo các hợp đồng vay ký kết trong các năm 2013, 2014, 2016. Mục đích vay để đầu tư xây dựng hệ thống nhà kho, thời hạn vay từ 120 tháng đến 144 tháng, lãi suất quy định trên từng khung ước nhận nợ. Lãi suất áp dụng trong năm 2022 là 7,5%/năm. Các khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (Thuyết minh 10).
- (iii) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh theo các hợp đồng tín dụng số 40925/19MN/HĐTĐ ngày 5 tháng 11 năm 2019 và hợp đồng tín dụng số 13987/20MN/HĐTĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020. Mục đích vay để đầu tư xây dựng nhà kho, thời hạn vay 96 tháng, lãi suất áp dụng trong kỳ của hai hợp đồng vay lần lượt là 9%/năm và 9,5%/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay và các quyền khai thác cơ sở hạ tầng (Thuyết minh 10).
- (iv) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam theo các hợp đồng tín dụng số 3019476562/2022-HĐCVDAT/NHCT680-ICD Long Bình ngày 25 tháng 3 năm 2022. Mục đích vay để đầu tư xây dựng nhà kho, thời hạn vay 96 tháng, lãi suất áp dụng của hai hợp đồng vay là 8,6%/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay (Thuyết minh 10).

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Mẫu số B 09 – DN/HN

19 QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	2.497.672.820	2.497.486.217
Trích trong năm (Thuyết minh 21)	13.878.026.614	7.539.130.052
Sử dụng quỹ	(11.545.225.702)	(7.557.943.449)
Thu tiền khen thưởng	6.980.000	19.000.000
Khác	(249.175.000)	-
Số dư cuối năm	<u>4.588.278.732</u>	<u>2.497.672.820</u>

20 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	31.12.2022		31.12.2021	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đăng ký	<u>24.502.245</u>	<u>-</u>	<u>24.502.245</u>	<u>-</u>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>24.502.245</u>	<u>-</u>	<u>24.502.245</u>	<u>-</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>24.502.245</u>	<u>-</u>	<u>24.502.245</u>	<u>-</u>

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2022		2021	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	<u>12.575.000</u>	<u>51</u>	<u>12.575.000</u>	<u>51</u>
Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác Tài Sản - Ngân hàng TMCP Quân Đội	<u>1.875.000</u>	<u>8</u>	<u>1.875.000</u>	<u>8</u>
Các cổ đông khác	<u>10.052.245</u>	<u>41</u>	<u>10.052.245</u>	<u>41</u>
	<u>24.502.245</u>	<u>100</u>	<u>24.502.245</u>	<u>100</u>

20 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	24.502.245	245.022.450.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	24.502.245	245.022.450.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	24.502.245	245.022.450.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Mẫu số B 09 – DN

21 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	245.022.450.000	93.986.186.492	68.715.198.510	408.723.835.002	34.083.853.597	442.807.688.399
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	71.721.383.613	71.721.383.613	5.195.533.595	76.916.917.208
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	15.460.152.719	(15.185.258.690)	294.894.029	(294.894.029)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	(7.278.475.928)	(7.278.475.928)	(260.654.124)	(7.539.130.052)
Chia cổ tức (Thuyết minh 17(a))	-	-	(36.753.367.500)	(36.753.367.500)	(2.940.000.000)	(39.693.367.500)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, Ban quản lý	-	-	(142.800.000)	(142.800.000)	(137.200.000)	(280.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	245.022.450.000	109.466.339.211	82.076.680.005	436.565.469.216	35.646.638.839	472.212.108.055
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	90.374.304.787	90.374.304.787	8.298.791.394	98.673.096.181
Chia cổ tức (Thuyết minh 17(a)) (*)	-	-	(36.753.367.500)	(36.753.367.500)	(2.940.000.000)	(39.693.367.500)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh 19) (*)	-	-	(13.358.473.255)	(13.358.473.255)	(518.553.359)	(13.878.026.614)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (*)	-	21.277.433.369	(20.757.880.010)	519.553.359	(518.553.359)	-
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, Ban quản lý (*)	-	-	(249.900.000)	(249.900.000)	(240.100.000)	(490.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	245.022.450.000	130.743.772.580	101.331.364.027	477.097.586.607	37.726.223.515	514.823.810.122

21 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 02/2022/NQ- ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022, Đại hội đồng Cổ đông đã phê duyệt việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 như sau:

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 12.403.299.532 Đồng; trong đó đã tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm 2021: 5.226.063.256 Đồng.
- Quỹ đầu tư và phát triển là 20.217.120.391 Đồng;
- Chia cổ tức: 36.753.367.500 Đồng,

Đồng thời, Công ty cũng đã tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ khen thưởng ban điều hành theo kế hoạch phân phối lợi nhuận của năm 2022 là 5.640.477.360 Đồng theo tờ trình 1148/TTr-HC ngày 30 tháng 12 năm 2022.

Theo Biên bản đã họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên của công ty con số 01/2021/BB-ĐHĐĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022, Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 như sau:

- Quỹ khen thưởng phúc lợi: 1.060.312.978 Đồng;
- Quỹ đầu tư và phát triển: 1.060.312.978 Đồng;
- Thù lao của Hội đồng Quản trị, ban kiểm soát và ban quản lý: 490.000.000 Đồng; và
- Chia cổ tức: 6.000.000.000 Đồng.

22 LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Biến động về lợi ích cổ đông không kiểm soát trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	35.646.638.839	34.083.853.397
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông không kiểm soát trong năm (Thuyết minh 21)	6.298.791.394	5.195.533.595
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi (Thuyết minh 21)	(519.553.359)	(294.894.029)
Trích quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 21)	(519.553.359)	(260.654.124)
Cổ tức đã chia (Thuyết minh 21)	(2.940.000.000)	(2.940.000.000)
Khác (Thuyết minh 21)	(240.100.000)	(137.200.000)
Số dư cuối năm	<u>37.726.223.515</u>	<u>35.646.638.839</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Mẫu số B 09 – DN/HN

23 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, điều chỉnh cho cổ phiếu thưởng phát hành trong năm trừ đi cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

	2022	2021 (**)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	90.374.304.787	71.721.383.613
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty mẹ (VND) (*)	(10.927.164.000)	(12.944.059.151)
Trích thù lao, thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, Ban quản lý (VND) (*)	-	(249.900.000)
	<u>79.447.140.787</u>	<u>58.527.424.462</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	24.502.245	24.502.245
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>3.242</u>	<u>2.389</u>

(*) Trong năm 2022, theo tờ trình số 1148/TTr-HĐQT ngày 30 tháng 12 năm 2022 về việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi người lao động 6 tháng đầu năm 2022, theo đó Nhóm công ty đã tạm trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi là 10.927.164.000 Đồng (Thuyết minh 21). Nhóm công ty chưa có kế hoạch trích thù lao, thưởng Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát, Ban quản lý trong năm 2022.

23 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)**(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu (tiếp theo)**

- (**) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận thuần sau thuế TNDN của năm 2021 được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông tương ứng với phần lợi ích phân bổ cho Công ty mẹ. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được tính lại như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2021		
	Số liệu báo cáo trước đây	Điều chỉnh	Số liệu trình bày lại
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	71.721.383.613	-	71.721.383.613
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (VND)	(11.707.750.227)	(1.236.308.924)	(12.944.059.151)
Thù lao, thưởng HĐQT và Ban KS, Ban quản lý (VND)	(150.000.000)	(99.900.000)	(249.900.000)
Lợi nhuận thuần phân phối cho các cổ đông	59.863.633.386	(1.336.208.924)	58.527.424.462
Bình quân giá quyền sở cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	24.502.245	-	24.502.245
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	2.443	-	2.389

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

24 KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ như trình bày tại Thuyết minh 3.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Mẫu số B 09 – DN/HN

25 DOANH THU THUẦN VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2022 VND	2021 VND
Doanh thu thuần về cho thuê dịch vụ trong kho và các dịch vụ đi kèm	525.463.234.914	480.250.973.308
Doanh thu thuần về BCC	50.315.540.133	45.956.045.772
Doanh thu thuần dịch vụ cho thuê cần cầu tại cảng Cát Lái	7.208.610.483	3.686.712.498
	<u>582.987.385.530</u>	<u>529.893.731.578</u>

26 GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2022 VND	2021 VND
Giá vốn về cho thuê dịch vụ trong kho, bãi cùng các dịch vụ đi kèm và BCC	377.961.512.236	359.721.328.877
Giá vốn dịch vụ cho thuê cần cầu tại cảng Cát Lái	2.824.314.124	2.719.845.096
	<u>380.785.826.360</u>	<u>362.441.173.973</u>

27 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2022 VND	2021 VND
Lãi tiền gửi	2.497.553.828	1.493.170.073
Cổ tức, lợi nhuận được chia (Thuyết minh 35(a))	320.000.000	260.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.095.555.637	804.205.601
Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	1.022.012.006	-
	<u>5.935.121.471</u>	<u>2.557.375.674</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Mẫu số B 09 – DN/HN

28 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2022 VND	2021 VND
Lãi tiền vay	24.065.013.763	25.383.247.723
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.068.637.706	875.834.406
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	-	85.048.602
Khác	-	197.714.494
	<u>25.133.651.469</u>	<u>26.541.845.225</u>

29 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2022 VND	2021 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.151.716.004	130.800.004
Chi phí hoa hồng, môi giới	1.709.128.549	1.792.490.213
Chi phí hội nghị, quảng cáo	60.000.000	446.839.545
Khác	60.000.000	1.463.095.036
	<u>3.980.844.553</u>	<u>3.833.224.798</u>

30 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	23.102.712.867	22.483.287.949
Chi phí khấu hao	2.749.887.476	2.664.137.291
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.298.267.996	2.296.310.666
Chi phí vật liệu quản lý	2.033.653.000	972.867.987
Chi phí văn phòng	2.543.638.274	1.845.414.871
Thuế, phí và lệ phí	9.292.000	6.000.000
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	5.920.669.012	333.525.753
Chi phí khác	16.917.640.106	12.270.297.643
	<u>55.575.760.731</u>	<u>42.871.842.160</u>

31 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Nhóm công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	123.073.696.394	95.648.079.323
Thuế tính ở thuế suất 20%	24.614.739.279	19.129.615.865
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(64.000.000)	(52.000.000)
Chi phí không được khấu trừ	1.849.860.934	307.134.818
Thuế được giảm	-	(744.955.841)
Dự phòng thiếu của kỳ trước	-	91.367.273
Chi phí thuế TNDN (*)	26.400.600.213	18.731.162.115
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:		
Thuế TNDN - hiện hành	26.393.933.390	18.724.495.292
Thuế TNDN - hoãn lại	6.666.823	6.666.823
	26.400.600.213	18.731.162.115

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

32 CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm từ hoạt động kinh doanh của Công ty. Chi tiết được trình bày như sau:

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.442.020.173	3.248.312.785
Chi phí nhân viên	70.083.186.074	77.554.696.113
Chi phí khấu hao TSCĐ	68.581.964.681	62.549.640.973
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	5.920.669.012	333.525.753
Chi phí dịch vụ mua ngoài	273.813.459.329	241.821.311.233
Chi phí khác	18.426.132.374	23.638.754.074
	440.267.431.643	409.146.240.931

33 BẢO CÁO BỘ PHẬN*Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý*

Nhóm công ty thực hiện toàn bộ hoạt động kinh doanh cung cấp dịch vụ cho thuê kho, bãi, phương tiện vận tải và các dịch vụ đi kèm chỉ trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Nhóm công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh cung cấp dịch vụ cho thuê dịch vụ trong kho, phương tiện vận tải và các dịch vụ đi kèm là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Nhóm công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng không trọng yếu trong tổng doanh thu của Nhóm công ty, do vậy Ban Giám đốc cho rằng Nhóm công ty hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất.

34 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ ("BCLCTT")**Giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến BCLCTT**

	2022 VND	2021 VND
Mua sắm, xây dựng TSCĐ nhưng chưa thanh toán	<u>26.566.623.226</u>	<u>557.160.526</u>

35 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Nhóm công ty được kiểm soát bởi Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn ("Công ty mẹ cao nhất") do Công ty mẹ cao nhất nắm giữ 51% vốn điều lệ của Nhóm công ty.

Chi tiết của các bên liên quan chính và mối quan hệ như sau:

Tên	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Công ty mẹ cao nhất
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng Cái Mép	Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng STC	Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng	Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu	Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Tân Cảng Tây Ninh	Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần	Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	Công ty cùng Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long	Công ty cùng Chủ tịch HĐQT



35 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**(a) Giao dịch với các bên liên quan**

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm gồm:

	2022 VND	2021 VND
i) Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	48.380.416.569	38.667.264.290
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long	6.054.975.676	1.976.476.908
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	39.555.906	54.242.816
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần	21.759.259	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	15.637.692	15.375.849
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân cảng	-	6.420.000
	<u>54.512.345.102</u>	<u>40.719.779.863</u>
ii) Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	53.205.815.388	40.091.792.342
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long	34.068.320.000	37.225.170.000
Công ty Cổ phần Vận tải bộ Tân Cảng	10.134.144.000	3.394.828.800
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	4.668.781.388	3.127.648.720
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	1.152.857.970	1.398.653.555
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	810.094.000	274.400.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu	745.466.307	545.930.000
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng STC	226.313.089	143.734.091
Công ty TNHH Cảng quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	172.486.367	69.693.639
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	54.348.369	-
Công ty TNHH Tân Cảng Tây Ninh	15.212.963	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng	122.989.737	43.546.574
	<u>105.376.829.578</u>	<u>86.315.397.721</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Mẫu số B 09 – DN/HN

35 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2022 VND	2021 VND
iii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác	3.516.894.515	3.347.752.820
Trong đó:		
Trần Triệu Phú - Chủ tịch HĐQT	839.600.000	855.280.000
Phan Anh Tuấn - Thành viên HĐQT	668.032.750	691.776.450
Đoàn Thị Hằng - Phó Giám đốc	583.856.572	580.097.200
Nguyễn Thành Nhân - Phó Giám đốc	526.900.000	187.448.457
Lê Quỳnh Quang - Kế toán trưởng	445.852.693	428.768.113
Nguyễn Đức Khiêm - Trưởng Ban kiểm soát	302.642.500	466.382.600
Phạm Văn Phòng - Thành viên HĐQT	42.000.000	52.000.000
Cao Ngọc Đức - Thành viên HĐQT	42.000.000	52.000.000
Nguyễn Đức Anh - Thành viên HĐQT	42.000.000	-
Trần Nghĩa Sĩ - Thành viên Ban kiểm soát	12.000.000	17.000.000
Thái Hoàng Lam - Thành viên Ban kiểm soát	12.000.000	17.000.000
iv) Nhận cổ tức (Thuyết minh 27)		
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long	320.000.000	260.000.000
v) Chia cổ tức		
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	18.862.500.000	18.862.500.000
(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan		
	2022 VND	2021 VND
i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)		
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long	3.835.337.665	456.315.750
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần	23.500.000	3.476.110
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	6.807.315	-
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	-	5.601.767
	3.865.644.980	465.393.627

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Mẫu số B 09 – DN/HN

35 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	2022 VND	2021 VND
ii) Phải thu khác		
Ngắn hạn (Thuyết minh 7(a))		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	22.363.324	-
Dài hạn (Thuyết minh 7(b))		
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	1.265.400.000	1.265.400.000
iii) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 12)		
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	120.359.039.343	87.685.472.833
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long	7.481.188.000	10.060.908.000
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	1.839.467.520	2.800.733.760
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng	-	47.634.831
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	852.835.940	920.848.296
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	188.162.131	329.979.743
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	168.724.000	22.300.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu	204.031.000	57.848.500
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng STC	117.243.838	124.718.000
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng Cái Mép	60.650.000	5.952.000
Công ty TNHH Tân Cảng Tây Ninh	16.430.000	-
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	34.190.000	-
	<u>131.321.961.772</u>	<u>102.056.395.963</u>
iv) Doanh thu chưa thực hiện (Thuyết minh 16)		
Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long	1.145.371.901	1.145.371.901
Dài hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long	39.912.314.043	41.057.685.951

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Mẫu số B 09 – DN/HN

35 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	2022 VND	2021 VND
v) Phải trả khác		
Ngắn hạn (Thuyết minh 17(a))		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	28.912.066.272	18.652.504.578
Dài hạn (Thuyết minh 17(b))		
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long	4.930.200.000	-

36 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	2022 VND	2021 VND
Dưới 1 năm	5.106.470.400	5.058.316.800
Từ 1 đến 5 năm	13.617.254.400	18.968.688.000
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	18.723.724.800	24.027.004.800

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Giám đốc phê chuẩn ngày 28 tháng 3 năm 2023.

 Phạm Thị Phương Người lập	 Lê Quỳnh Quang Kế toán trưởng	 Phan Anh Tuấn Giám đốc
---	---	--

